

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8  
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Đồng Tháp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;*

*Căn cứ Công văn số 193/UBND-THVX ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ủy quyền trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, lớp 8 và lớp 11;*

*Căn cứ Công văn số 1924/SGDĐT-GDTrH&TX ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp về việc báo cáo kết quả tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa, hoàn thiện Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8, lớp 11;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Ngọc Thương**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG  
**TỈNH ĐỒNG THÁP**  
Lớp 8





ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

NGUYỄN THUYẾT HÀ (Tổng Chủ biên) – NGUYỄN THANH DANH (Chủ biên)  
THÀNH BẠCH HẢI – THÁI BÁ THANH – LÝ THỊ XUÂN HỒNG  
BÙI QUÝ KHIÊM – NGUYỄN MINH HIẾU

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**  
**TỈNH ĐỒNG THÁP**  
**LỚP 8**



## **BAN BIÊN SOẠN**

Nguyễn Thúy Hà (Tổng Chủ biên)

Nguyễn Thanh Danh (Chủ biên)

Cùng các thành viên:

1. Bùi Quý Khiêm
3. Lý Thị Xuân Hồng
5. Nguyễn Minh Hiếu

2. Thành Bạch Hải
4. Thái Bá Thanh

***Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng  
các em học sinh lớp sau!***



# Lời nói đầu

**Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp** được biên soạn nhằm giúp học sinh nâng cao hiểu biết về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của tỉnh. Từ đó góp phần rèn luyện những phẩm chất, năng lực được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá của quê hương.

**Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp – Lớp 8** được biên soạn theo các chủ đề, tương ứng với mạch kiến thức Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Chủ đề 1.** Lịch sử Đồng Tháp từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX

**Chủ đề 2.** Thổ nhưỡng và sinh vật tỉnh Đồng Tháp

**Chủ đề 3.** Thơ ca Đồng Tháp

**Chủ đề 4.** Một số nghệ nhân, nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho âm nhạc truyền thống ở tỉnh Đồng Tháp

**Chủ đề 5.** Xây dựng nếp sống văn hoá ở tỉnh Đồng Tháp

Mỗi chuyên đề được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương và thực tiễn dạy học trong nhà trường, song vẫn bảo đảm mức độ yêu cầu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp – Lớp 8** không chỉ dùng để dạy và học mà còn là tư liệu để trải nghiệm, khám phá những nét đẹp của vùng đất Đồng Tháp. Trong quá trình biên soạn, mặc dù nhóm tác giả đã cố gắng chất lọc tư liệu để vừa giới thiệu những nét cơ bản về nội dung giáo dục địa phương, vừa đảm bảo tính khoa học, vừa sức với đối tượng học sinh lớp 8 nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô giáo, phụ huynh, các em học sinh,... để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Các tác giả

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

## MỤC TIÊU

Yêu cầu về năng lực và phẩm chất mà học sinh cần đạt được sau khi học.


## KHỞI ĐỘNG

Học sinh huy động kiến thức, kinh nghiệm cá nhân để tham gia hoạt động tạo hứng thú, dẫn dắt vào bài mới.

## HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Học sinh thực hiện các hoạt động quan sát, thảo luận, tìm hiểu thông tin,... nhằm phát hiện và chiếm lĩnh những điều mới.

**Em có biết** Nội dung mở rộng của bài học, cung cấp thêm những kiến thức cho các em có điều kiện tiếp thu bài học tốt hơn.

 Học sinh thực hành nghe bài hát.

## THỰC HÀNH

Học sinh sử dụng kiến thức, kĩ năng được trang bị để giải quyết các vấn đề, tình huống, bài tập tương tự hay biến đổi,... nhằm khắc sâu kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo một cách chắc chắn.

## VẬN DỤNG

Học sinh giải quyết một số vấn đề của thực tế hoặc vấn đề giả định có liên quan đến tri thức của chủ đề, từ đó phát huy tính mềm dẻo của tư duy, khả năng sáng tạo.



# Mục lục

	Trang
Lời nói đầu .....	03
Hướng dẫn sử dụng tài liệu .....	04
<b>Chủ đề 1.</b> Lịch sử Đồng Tháp từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.....	06
<b>Chủ đề 2.</b> Thổ nhưỡng và sinh vật tỉnh Đồng Tháp .....	20
<b>Chủ đề 3.</b> Thơ ca Đồng Tháp .....	28
<b>Chủ đề 4.</b> Một số nghệ nhân, nghệ sĩ có nhiều đóng góp cho âm nhạc truyền thống ở tỉnh Đồng Tháp.....	38
<b>Chủ đề 5.</b> Xây dựng nếp sống văn hoá ở tỉnh Đồng Tháp .....	45
Giải thích thuật ngữ.....	51
Tài liệu tham khảo chính .....	52

## Chủ đề 1

# LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP TỪ THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX



### MỤC TIÊU

- Giới thiệu được những nét chính về sự thay đổi tên gọi và địa giới hành chính ở Đồng Tháp từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.
- Nêu được những nét nổi bật về kinh tế, văn hoá, xã hội,... ở Đồng Tháp trong hai thế kỉ XVIII – XIX.
- Mô tả được những nét chính về biến đổi hành chính, tình hình kinh tế, xã hội ở Đồng Tháp dưới thời Pháp thuộc (giai đoạn nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX).
- Trình bày được khái quát về một số cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp tiêu biểu ở Đồng Tháp cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- Bồi dưỡng cho học sinh lòng tự hào về lịch sử địa phương.



### KHỞI ĐỘNG

*Đọc đoạn văn bên dưới và trả lời câu hỏi.*

- Đoạn văn trên cho biết những điều gì?
- Theo em, tại sao từ thế kỉ XVII – XVIII trở đi, vùng đất Đồng Tháp đã dần phát triển trở lại và trở thành một bộ phận quan trọng, không thể tách rời của quốc gia – dân tộc Việt Nam?

Trong tiến trình lịch sử, từ thế kỉ I, vùng đất nay là tỉnh Đồng Tháp thuộc quyền cai quản của vương quốc cổ Phù Nam.

Sau khi Phù Nam sụp đổ (đầu thế kỉ VII), vùng đất Đồng Tháp nói riêng và hầu hết khu vực Nam Bộ ngày nay nói chung dần trở nên hoang vu. Từ thế kỉ XVII – XVIII, với công cuộc khai phá và xác lập chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ của các chúa Nguyễn, vùng đất Đồng Tháp đã dần phát triển trở lại. Vùng đất và con người Đồng Tháp dần trở thành một bộ phận quan trọng, không thể tách rời của quốc gia – dân tộc Việt Nam.







### I. TÊN GỌI VÀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐỒNG THÁP TỪ THẾ KỈ XVIII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Trước thế kỉ XVII, vùng đất nay là tỉnh Đồng Tháp hầu như chưa có dân cư sinh sống. Từ thế kỉ XVII, những nhóm nhỏ lưu dân người Việt mới di cư đến đây khai khẩn đất đai. Kể từ sau cuộc hôn nhân của Công nữ Ngọc Vạn (con gái chúa Nguyễn) với Quốc vương Chân Lạp Chey Chettha II (năm 1620) và nhất là sau cuộc kinh lược phương Nam của Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1698), nhiều đợt di dân người Việt từ vùng Thuận Hoá – Quảng Nam (thuộc miền Trung Việt Nam hiện nay) vào lập nên những thôn ấp đầu tiên.

#### 1. Đồng Tháp dưới thời Gia Định phủ (1698 – 1802)

Đầu năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược, lập hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, gọi chung là Gia Định phủ. Dinh Phiên Trấn chỉ có một huyện là Tân Bình (bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Long An, Tiền Giang và phần đất phía bắc Sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp ngày nay).

Năm 1732, đất đai đã mở rộng, chúa Nguyễn lấy phần đất phía nam Phiên Trấn (gồm phần đất ở phía bắc Sông Tiền của Đồng Tháp ngày nay), lập châu Định Viễn, dựng dinh Long Hồ.

Năm 1757, vùng đất Tầm Phong Long được Nghi Biểu Hầu Nguyễn Cư Trinh thành lập ba đạo: Châu Đốc (ở Hậu Giang), Tân Châu (ở Tiền Giang) và Đông Khẩu (xứ Sa Đéc). Đất Đồng Tháp ngày nay trực thuộc dinh Long Hồ, phía bắc Sông Tiền thuộc châu Định Viễn, phía nam Sông Tiền thuộc đạo Đông Khẩu.

Năm 1772, chúa Nguyễn thấy xứ Mỹ Tho đã định hình nên cho thành lập đạo Trường Đồn. Năm 1779, đạo Trường Đồn được nâng lên thành dinh, gồm một huyện là Kiến Khương, với ba tổng (Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hoà). Năm 1781, được đổi tên thành dinh Trấn Định, đặt các chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để cai quản.

Như vậy, trước khi Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lập ra vương triều Nguyễn (năm 1802), địa phận tỉnh Đồng Tháp nằm trong tổng Kiến Đăng của dinh Trấn Định (phần phía bắc Sông Tiền) và đạo Đông Khẩu của dinh Long Hồ (phần phía nam Sông Tiền).

*Vùng đất Đồng Tháp giai đoạn Gia Định phủ trải qua những thay đổi về mặt hành chính như thế nào?*



## 2. Đồng Tháp dưới thời Gia Định trấn và Gia Định thành (1802 – 1832)

Tháng 3/1802, Gia Định phủ được đổi tên thành Gia Định trấn, trong đó dinh Long Hồ đổi thành dinh Vĩnh Trấn. Kể từ năm 1806, phần đất phía bắc Sông Tiền của Đồng Tháp thuộc tổng Kiến Đăng (huyện Kiến An, dinh Trấn Định), còn phần đất phía nam Sông Tiền vẫn thuộc đạo Đông Khẩu (của dinh Vĩnh Trấn).

Năm 1808, Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành. Sau đó, dinh Trấn Định đổi thành trấn Định Tường, huyện Kiến An nâng lên thành phủ và ba tổng được nâng lên thành huyện. Huyện Kiến Đăng (tức tổng Kiến Đăng trước đây) gồm có hai tổng là Kiến Hoà và Kiến Phong. Kiến Phong bao gồm toàn bộ vùng Đồng Tháp Mười, trong đó có phần đất phía bắc Sông Tiền của Đồng Tháp với 43 thôn (gồm 21 thôn trong địa phận của tỉnh Đồng Tháp ngày nay).

Trong khi đó, dinh Vĩnh Trấn đổi thành trấn Vĩnh Thanh, châu Định Viễn đổi thành phủ Định Viễn với 4 huyện (Vĩnh Bình, Vĩnh Định, Tân An và Vĩnh An). Huyện Vĩnh An có hai tổng Vĩnh Trinh và Vĩnh Trung; trong đó một phần của tổng Vĩnh Trinh và toàn bộ tổng Vĩnh Trung nằm trong phần đất phía nam Sông Tiền của tỉnh Đồng Tháp.

*Trong những năm 1802 – 1832, tỉnh Đồng Tháp ngày nay thuộc địa phận của các dinh, trấn nào?*

## 3. Tỉnh Đồng Tháp thời Lục tỉnh Nam Kỳ (1832 – 1862)

Năm 1833, Hoàng đế Minh Mạng chia đất Gia Định thành (tức Nam Kỳ) thành 6 tỉnh: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường (miền Đông Nam Kỳ), Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên (miền Tây Nam Kỳ). Lúc này, vùng đất Đồng Tháp thuộc một phần của tỉnh Định Tường và An Giang. Phần đất phía bắc Sông Tiền nằm trong địa giới của huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường; còn phần đất phía nam Sông Tiền nằm trong huyện Vĩnh An, một phần nhỏ của huyện Vĩnh Định và huyện Đông Xuyên (đều thuộc tỉnh An Giang).

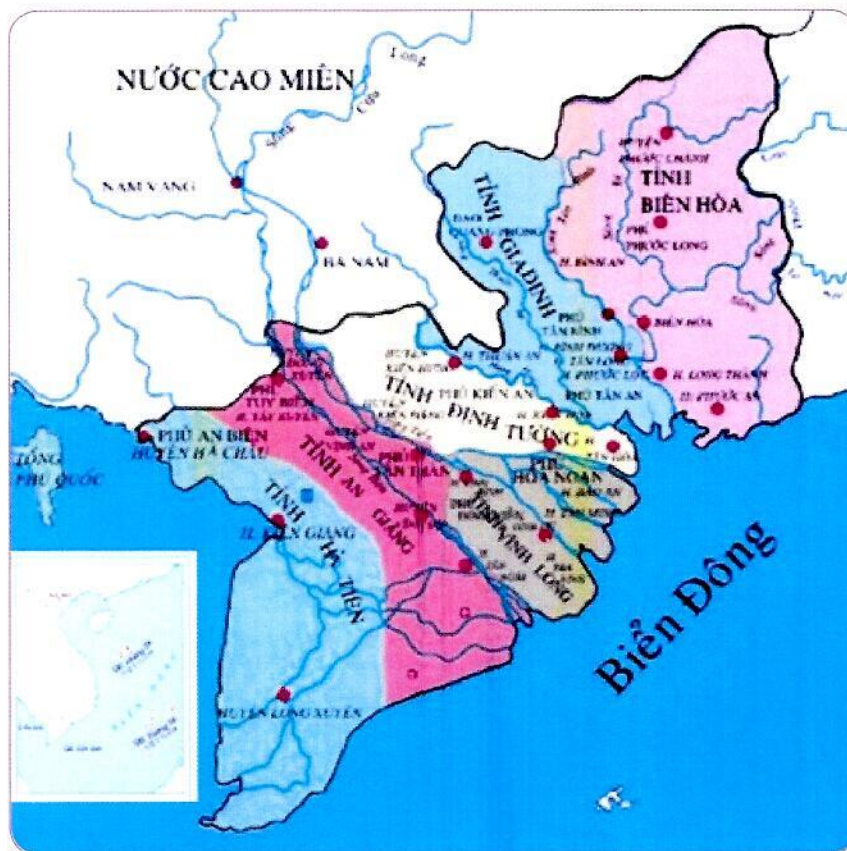
Năm 1838, huyện Kiến Đăng (tỉnh Định Tường) tách ra 4 tổng để lập huyện Kiến Phong; trong đó có 7 thôn của tổng Phong Phú và 11 thôn của tổng Phong Thạnh, thuộc địa phận của Đồng Tháp. Huyện cũ Kiến Đăng và huyện mới Kiến Phong hợp thành phủ Kiến Tường, phủ lỵ Kiến Tường và huyện lỵ Kiến Phong đều đặt tại thôn Mỹ Trà (tức thành phố Cao Lãnh ngày nay).

Đến năm 1839, huyện Vĩnh An (tỉnh An Giang) bị cắt một phần ở phía nam để thành lập huyện An Xuyên và một phần ở phía bắc để thành lập huyện Đông Xuyên. Hai huyện mới cùng với huyện cũ Vĩnh An hợp thành phủ Tân Thành, phủ lỵ đóng ở thôn Vĩnh Phước (tức thành phố Sa Đéc sau này).

Như vậy, cho đến lúc thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (năm 1862), địa giới tỉnh Đồng Tháp bao gồm một phần của huyện Kiến Phong (tỉnh Định Tường) (tức là phần đất phía bắc Sông Tiền) và toàn bộ huyện Vĩnh



An với một số thôn của huyện An Xuyên và Đông Xuyên (của tỉnh An Giang). Tất cả cù lao trên Sông Tiền như cù lao Cái Vừng, cù lao Tây, cù lao Trâu,... đều do tỉnh An Giang quản lí.



Hình 1.1. Lược đồ Nam Kỳ lục tỉnh dưới triều Nguyễn

Vùng đất Đồng Tháp kể từ năm 1833 có tên gọi và địa giới hành chính như thế nào?

## II. NHỮNG NÉT NỔI BẬT VỀ KINH TẾ, VĂN HOÁ, XÃ HỘI ĐỒNG THÁP TỪ THẾ KỈ XVIII ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

### 1. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp là ngành kinh tế chính. Đất đai ở Đồng Tháp gồm hai loại: *sơn điền* và *thảo điền*. Sơn điền là loại ruộng cao, nhiều cỏ và các loại cây nhỏ; thảo điền là loại ruộng thấp, vùng trũng ngập nước.

Cây trồng phổ biến là cây lúa. Sau cây lúa là cây cau, được trồng nhiều ở tổng Phong Thạnh (ngày nay gồm các huyện Cao Lãnh, Tháp Mười, Thanh Bình, Tam Nông). Ngoài ra, cư dân còn trồng nhiều loại cây trái khác tùy theo thổ nhưỡng từng nơi.

Cùng với trồng trọt là nghề cá. Vào mùa nước nổi, cá tôm rất nhiều, chính quyền đã cho dân đấu thầu khai thác, gọi là “Sở Thuỷ lợi”. Cũng trong khai



thác cá, cư dân Đồng Tháp còn đào đìa bắt cá. Năm 1837, tổng Phong Thạnh chiếm đến 450/1 070 khẩu đìa của tỉnh Định Tường.

Nhiều ngành nghề thủ công lần lượt xuất hiện, tạo ra nhiều loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tại chỗ và cung cấp cho thị trường trong nước.

Vùng đất Đồng Tháp có nhiều sông rạch, việc di chuyển, chuyên chở chủ yếu bằng đường thủy, do đó, nghề đóng ghe xuồng hình thành và phát triển từ rất sớm, tập trung ở các tụ điểm cư dân ven Sông Tiền hay các rạch lớn. Hoà An, Đất Sét, Nha Môn, Cái Tàu, Lấp Vò là những nơi có nhiều trại đóng và sửa chữa các phương tiện vận tải đường thủy.

Do nhu cầu mua bán, trao đổi các sản vật và các vật dụng cần thiết, ngay trong buổi đầu khai hoang lần lượt xuất hiện một số chợ như Hoà An, Tân Thuận (ở phía bắc Sông Tiền), Mỹ An, Tân Phú Đông, Long Hậu, Nha Môn, Bình Thành Tây (tại thủ sở Cường Uy cũ, tức chợ Lấp Vò), Sa Đéc,...

Thương lái đến các chợ đầu mối, nhất là chợ Sa Đéc, thu mua lúa gạo, khô mắm, cau khô, mật ong,... rồi thuê ghe, bè chở đi bán tận Mỹ Tho, Sài Gòn, Nam Vang (Phnôm Pênh, Campuchia),... Chuyển về thì mang các hàng vải, kim chỉ, đá lửa, thuốc bắc, cao đơn hoàn tán, dầu rái, hàng kim khí,... bán lại cho các chợ địa phương. Chợ Sa Đéc nằm sát bờ sông Tiền là trung tâm giao lưu, mua bán quan trọng giữa Sài Gòn, Mỹ Tho, Nam Vang và vùng Hậu Giang.

*Hãy điểm lại những nét chính về đời sống kinh tế của cư dân Đồng Tháp dưới thời Nguyễn..*

## **2. Tình hình xã hội**

Trong hai thế kỉ XVIII – XIX, quan hệ giữa nông dân và điền chủ ở địa bàn Đồng Tháp được hình thành trên cơ sở quyền tư hữu ruộng đất. Trong tiến trình khai hoang, tại đây từng bước hình thành ba tầng lớp: đại điền chủ, tiểu điền chủ trực canh và tá điền cùng nông dân nghèo làm thuê. Lưu dân quần cư thành các thôn, ấp đầu tiên dưới hình thức tự quản.

Vào cuối thế kỉ XVII, chúa Nguyễn thiết lập cơ sở hành chính, ban hành quy định về thuế khoá. Các chúa Nguyễn còn vận động địa chủ “có nhân lực, vật lực” ở vùng Thuận Hoá – Quảng Nam đưa tồ tớ và dân chiêu mộ vào khai hoang; sử dụng binh lính và tù phạm vào khai hoang lập đồn điền với danh nghĩa “bảo quốc, an dân”.

Vào những thập niên cuối của thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII, công cuộc khai phá của lưu dân người Việt vươn dần lên phía thượng lưu Sông Tiền, tập trung ở mạn nam nhiều hơn là bờ bắc, hình thành một số tụ điểm mới: Cái Tàu Hạ (Nha Môn), Cái Tàu Thượng (Đất Sét), Tòng Sơn, Chiến Sai,... và trên cù lao Trâu, cù lao Giêng, cù lao Cái Vừng, cù lao Tây,...

Năm 1757, chúa Nguyễn thành lập đạo Đông Khẩu, đóng ở Sa Đéc. Sự kiện này làm cho Sa Đéc dần dần trở thành một trung tâm dân cư đông đảo,



đã có những tác động tích cực đến công cuộc khai hoang, mở đất hai bên bờ Sông Tiền.

Những tụ điểm cư dân đầu tiên trong thời kì này đã trở thành những trung tâm thương mại, trao đổi hàng hoá. Cùng thời với Biên Hoà, Sài Gòn và Mỹ Tho, Sa Đéc trở thành một trung tâm kinh tế – xã hội quan trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Cư dân trên địa bàn Đồng Tháp thời Nguyễn bên cạnh người Việt, còn có người Hoa, Khmer, Chăm,... Trong quá trình cộng cư, giữa họ đã có sự giao thoa về văn hoá, phong tục, tập quán. Chính sự giao thoa đó đã hình thành những nét văn hoá, phong tục, tập quán mang bản sắc văn hoá của cư dân vùng đất mới.

*Tình bày những điểm nổi bật của tình hình xã hội trên vùng đất Đồng Tháp dưới thời Nguyễn.*

### **3. Sinh hoạt văn hoá**

*Về văn hoá vật chất:* Cư dân địa phương biết vận dụng tri thức dân gian, kết hợp với những thành tựu từ người Khmer bản địa để cải tiến kĩ thuật canh tác, công cụ sản xuất, phương tiện sinh hoạt và cả kiểu dáng nhà ở phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu của vùng đất mới.

Bên cạnh nhà nền đất đắp cao là nhà sàn, bên cạnh chiếc ghe tam bản, chiếc xuồng ba lá là chiếc xuồng cui (đầu lớn, đầu nhỏ) – gợi hình ảnh chiếc thuyền độc mộc bằng thân cây thốt nốt của người Khmer, cái phảng cò cò của người Việt được cải tiến từ cái phảng của người Khmer. Các kiểu nhà ba gian hai chái, nhà chữ đình,... có dáng dấp của nhà rường Trung Bộ,...

*Về văn hoá tinh thần:* Dù ở đâu, người Việt cũng luôn hướng về nguồn cội. Khi công cuộc khai hoang đạt được thành tựu bước đầu, lưu dân người Việt trên vùng đất mới liền nghĩ đến việc xây miếu, dựng đình thờ những vị thần mà họ đã “mang theo” khi rời quê cũ.

Nhưng trên vùng đất mới, họ cộng cư và giao thoa văn hoá với nhiều tộc người khác, từ đó hình thành nhiều nét độc đáo trong văn hoá tinh thần của người Việt ở phương Nam. Bên cạnh chùa Bà (thờ Bà Thiên Hậu), chùa Ông (thờ Quan Công) của người Hoa là đình làng thờ thần Thành hoàng bốn cảnh của người Việt, là miếu Ngũ Hành, miếu Bà Chúa Xứ; bên cạnh việc thờ cúng Ông Địa trong nhà lại có miếu Chăm thờ Ông Tà ngoài bờ ruộng (Neak Tà: Thần Đất của người Khmer).

Với hàng trăm đình thờ thần Thành hoàng bốn cảnh, chùa Phật (phái Đại thừa – chủ yếu là dòng Lâm Tế), thánh thất Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Đồng Tháp còn là nơi khai sáng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương với Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền.

*Về giáo dục:* Tình hình giáo dục trên địa bàn Đồng Tháp diễn ra tự phát trong thời gian khá dài. Đến năm 1830, triều Nguyễn mới đặt chức Huấn đạo (phụ trách việc học ở cấp huyện) ở huyện Kiến Đăng và hai năm sau lập chức



Giáo thụ ở phủ Kiến An. Năm 1832, xây cất phủ học Tân Thành; năm 1838 lập phủ học Kiến Tường đặt tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc thành phố Cao Lãnh). Để khuyến khích việc học trên vùng đất mới, năm 1857, Tri phủ Kiến Tường cho xây dựng Văn Thánh Miếu tại thôn Mỹ Trà (còn gọi là Văn Thánh Miếu Cao Lãnh).

Từ năm 1813 đến năm 1864, qua 19 khoa thi hương, Đồng Tháp có 11 người đỗ Cử nhân.



Hình 1.2. Văn Thánh Miếu Cao Lãnh hiện nay  
(Phường 1, thành phố Cao Lãnh)

*Về văn hoá, văn nghệ, di sản xướng:* Nhân dân Đồng Tháp có một kho tàng ca dao, hò vè, hát ru, mang nội dung tôn vinh những người có công với dân với nước, ca ngợi sự giàu đẹp của quê hương, tình yêu đôi lứa,... Đồng Tháp là nơi hội tụ của nhiều thể loại dân ca, với những biến đổi cho hợp với không gian mệnh mông sông nước.

*Thiết kế Poster giới thiệu những nét tiêu biểu trong sinh hoạt văn hoá của nhân dân Đồng Tháp dưới thời Nguyễn.*

### **III. NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH, TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI Ở ĐỒNG THÁP DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC (GIAI ĐOẠN NỬA SAU THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)**

Ngày 01/9/1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Năm 1859, chúng đánh chiếm tỉnh Gia Định rồi thừa thắng tiến chiếm các tỉnh còn lại ở miền Đông Nam Kỳ. Năm 1862, chúng buộc triều Nguyễn phải kí Hiệp ước cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp. Năm 1867, quân Pháp chiếm được ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.



Đến năm 1874, triều Nguyễn buộc phải kí Hiệp ước thừa nhận chủ quyền của Pháp ở cả 6 tỉnh Nam Kỳ.

Vùng đất Đồng Tháp thuộc địa phận hai tỉnh Định Tường (miền Đông Nam Kỳ) và An Giang (miền Tây Nam Kỳ), theo đó cũng từng bước thuộc quyền cai trị của thực dân Pháp.

## 1. Những thay đổi về hành chính

Từ năm 1862, thực dân Pháp bắt tay vào việc tổ chức bộ máy cai trị bằng cách xoá bỏ các phủ huyện cũ dưới triều Nguyễn, lập thành các đơn vị hành chính mới gọi là Khu Thanh tra ở miền Đông Nam Kỳ. Năm 1867, sau khi chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, thực dân Pháp cũng đặt các tỉnh này dưới chế độ cai trị như các tỉnh miền Đông.

Năm 1870, toàn bộ Nam Kỳ có 25 Khu Thanh tra. Địa giới tỉnh Đồng Tháp ngày nay nằm chủ yếu trong Khu thanh tra Sa Đéc gồm 3 huyện Vĩnh An, An Xuyên, Đông Xuyên. Năm 1876, khu thanh tra Sa Đéc đổi thành hạt tham biện Sa Đéc thuộc khu hành chính Vĩnh Long – một trong 4 khu hành chính lớn của Nam Kỳ.

Kể từ ngày 01/01/1900, theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, các khu hành chính tại Nam Kỳ thống nhất gọi là “tỉnh”. Lúc này Sa Đéc là một trong 20 tỉnh của Nam Kỳ.

Năm 1913, tỉnh Sa Đéc được sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long đồng thời thành lập thêm quận Cao Lãnh.

Năm 1924, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định tách tỉnh Sa Đéc ra khỏi tỉnh Vĩnh Long thành một tỉnh độc lập. Đồng thời nâng đồn hành chính Cao Lãnh thành một Đại lí hành chính vào năm 1925.



Hình 1.3. Dinh Tỉnh trưởng Sa Đéc, đầu thế kỉ XX  
(Ảnh tư liệu)



Cho đến tháng 8/1945, địa giới hành chính tỉnh Đồng Tháp chủ yếu nằm trong tỉnh Sa Đéc gồm ba quận Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh (phía nam Sông Tiền) và một phần các tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên (phía bắc Sông Tiền).

– Tên gọi của tỉnh Đồng Tháp dưới thời Pháp thuộc là gì?

– Tên gọi “tỉnh Sa Đéc” có từ khi nào?

## 2. Tình hình kinh tế – xã hội

### a) Về kinh tế

Thực dân Pháp tiến hành khơi đào kênh rạch khắp nơi trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có vùng đất ngày nay là Đồng Tháp, trước hết để phục vụ mục đích quân sự, sau đó để khai thác tiềm năng về lúa gạo của vùng đất này.

Với mục đích khai thác là chính nên người Pháp không chú trọng việc phát triển công nghiệp tại thuộc địa. Trong những năm 1910 – 1920, tại Sa Đéc chỉ có 9 lò gạch, vài xưởng đóng ghe thuyền và cửa xẻ gỗ.

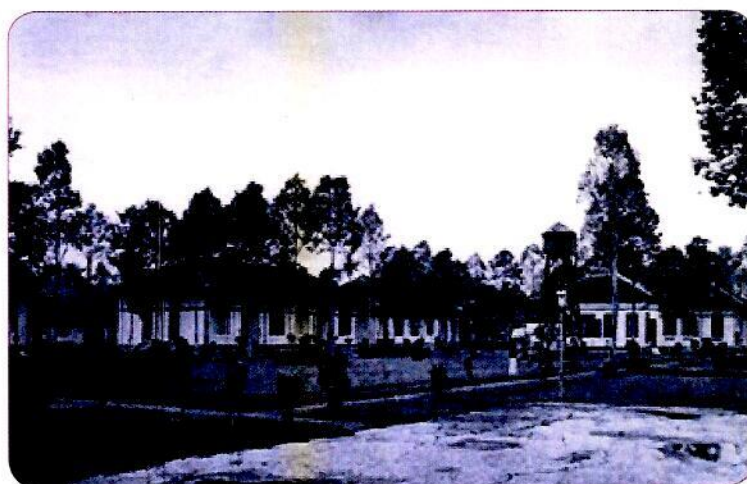
Về tiểu thủ công nghiệp, do Sa Đéc có vị trí giao thông thuận lợi nên một số nghề khá phát triển: nghề dệt chiếu (Tân Khánh, Bình Hàng Tây, Bình Hàng Trung, Mỹ Xương, Mỹ Long, Định Yên,...), kim hoàn (Sa Đéc), rèn (Cái Tàu Hạ), làm gạch ngói (làng Tân Xuân, Châu Thành), làm bột (Hoà Khánh, Tân Phú Đông),...

Hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh Sa Đéc có sự chuyển biến mạnh mẽ. Nơi đây được xem là một trong những trung tâm mua bán của Đồng bằng sông Cửu Long. Xung quanh các chợ đầu mối (Sa Đéc, Cao Lãnh, Dơi Me, Đất Sét, Cái Tàu Thượng, Cái Tàu Hạ, Lấp Vò,...) đều có các vụ lúa gạo.

### b) Về văn hoá – xã hội

Thực dân Pháp rất hạn chế việc mở trường học trên địa bàn Đồng Tháp. Ở Sa Đéc, đến năm 1885, Pháp cho xây dựng một trường tiểu học tại tỉnh lỵ, gọi là trường nam, đến năm 1902 cho mở trường nữ tiểu học. Ở Cao Lãnh, năm 1888 thành lập trường sơ học (tiểu học).

Thời Pháp thuộc, Tây y được truyền vào Việt Nam. Bệnh viện Sa Đéc được xây dựng năm 1904. Quận Cao Lãnh thành lập từ năm 1914 nhưng đến năm 1923, bệnh viện mới được xây dựng.



Hình 1.4. Dinh Tỉnh trưởng Sa Đéc, đầu thế kỉ XX  
(Ảnh tư liệu)



Các môn thể thao phát triển ở Sa Đéc lúc bấy giờ là túc cầu (bóng đá) với các hội túc cầu ở Sa Đéc, Cao Lãnh thành lập năm 1918. Một số môn thể thao khác cũng phát triển: bóng rổ (chủ yếu do người Hoa chơi), điền kinh, bơi lội,...

Bên cạnh Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành, trên địa bàn Đồng Tháp có một số tôn giáo như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Phần đông dân cư tuy theo đạo hay không đều giữ phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên.

– Những điểm mới trong đời sống kinh tế trên địa bàn Đồng Tháp thời Pháp thuộc là gì?

– Tình hình văn hoá – xã hội trên địa bàn Đồng Tháp có gì nổi bật?

#### **IV. MỘT SỐ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TIÊU BIỂU Ở ĐỒNG THÁP CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX**

##### **1. Cuộc chiến đấu do Nguyễn Công Nhân chỉ huy ở miền Tây Nam Kỳ**

Nguyễn Công Nhân là võ tướng dưới các triều hoàng đế Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Ông được triều đình ban danh hiệu là Hùng dũng (dũng) tướng, tước Trí Thắng Nam.

Năm 1861, trên cương vị Tổng đốc tỉnh Định Tường, ông trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu giữ thành Mỹ Tho. Ông tổ chức kháng cự quyết liệt, gây cho quân Pháp nhiều tổn thất.

Tuy nhiên, sau 10 ngày chiến đấu, thành Mỹ Tho thất thủ, ông bị giáng chức, rồi sau đó được lệnh của vua Tự Đức xây dựng căn cứ chống Pháp trên địa bàn Vĩnh Long, An Giang.

Căn cứ gồm hai thành lũy, một ở xã Long Thắng (nhân dân quen gọi là Bảo Tiền) và một ở xã Định Hoà (Bảo Hậu). Xung quanh là hệ thống vật cản (đá hàn), tháp canh, đồn canh bố trí trên Sông Hậu và các thủy lộ chính.

Sau khi ba tỉnh miền Tây thất thủ (năm 1867), Nguyễn Công Nhân cho giải tán binh sĩ rồi tự tử, thể hiện khí tiết của một tướng lĩnh khi không hoàn thành nhiệm vụ.



Hình 1.5. Lễ giỗ Nguyễn Công Nhân, tổ chức tại đền thờ Hùng dũng tướng Nguyễn Công Nhân (ấp Tân Hùng, xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh), năm 2019



*Hãy trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Công Nhân lãnh đạo.*

## **2. Khởi nghĩa Võ Duy Dương**

Võ Duy Dương (1827 – 1866) sinh ra trong một gia đình nông dân tại thôn Cù Lâm Nam, huyện Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định). Ông là người rất khoẻ mạnh và giỏi võ nghệ.

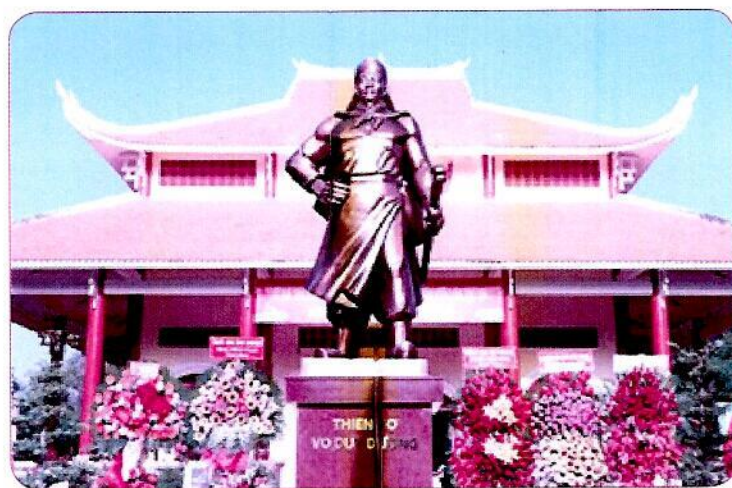
Năm 1857, ông cùng một số bạn bè đến vùng Ba Giồng (nay thuộc các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), chuẩn bị cho công cuộc chiêu dân khai hoang lập ấp.

Tháng 2/1859, thực dân Pháp tấn công thành Gia Định (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Ông chiêu mộ dân binh đến ứng cứu, được phong chức Chánh quản đạo. Sau khi thành Gia Định bị Pháp chiếm, ông đi đường biển ra kinh đô Huế hiến kế chống giặc.

Tháng 5/1861, ông được sung vào phái bộ quân triều đình vào Nam, làm nhiệm vụ chống giặc ở tỉnh Định Tường. Ông đứng ra chiêu mộ nghĩa dũng, quyên góp lúa gạo, tiền bạc, mua súng đạn, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, tham gia.

Chỉ trong thời gian ngắn, ông chiêu mộ được gần 1 000 nghĩa dũng và được phong chức Quản cơ. Ông đóng quân ở Bình Cách, liên kết với Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hoà ở Thuộc Nhiêu xây dựng một đồn chiến lược tại Mỹ Quý (Tân Thành – Mỹ Quý). Thực dân Pháp đã mang đại quân tấn công Tân Thành – Mỹ Quý, Võ Duy Dương phải rút về Bình Cách.

Lúc ấy, triều đình nhà Nguyễn vừa kí Hiệp ước năm 1862 với thực dân Pháp, vừa bí mật phong Trương Định làm Bình Tây Tướng quân, lãnh đạo lực lượng nghĩa quân chống Pháp ở Nam Kỳ, Võ Duy Dương làm Chánh Đề đốc và Nguyễn Hữu Huân làm Phó Đề đốc. Từ đây, lực lượng nghĩa quân phát triển mạnh, liên tục tấn công địch trên một tuyến dài từ Gò Công đến Cái Bè.



*Hình 1.6. Tượng Thiên hộ Võ Duy Dương tại khu di tích Gò Tháp, huyện Tháp Mười*



Năm 1864, Trương Định hi sinh, Võ Duy Dương rút quân về Đồng Tháp Mười xây dựng căn cứ. Ông đặt đại bản doanh tại Gò Tháp. Xung quanh có ba đồn luỹ án ngữ, ngoài ra, còn có các đồn nhỏ, trạm canh bảo vệ vòng ngoài.

Trong hơn một năm kể từ lúc về căn cứ Đồng Tháp Mười, ông thực hiện chiến thuật *túc kì yểm cố* (im cờ giấu trống). Không chỉ tập hợp binh lực ở căn cứ Gò Tháp, Thiên hộ Dương còn cho nghĩa quân hoạt động ở nhiều nơi, trong đó, Thống lãnh binh Nguyễn Văn Linh cùng với Thống Bình, Thống Chiếu phụ trách vùng Cao Lãnh.

Đến giữa năm 1865, khi thế lực đã khá mạnh, nghĩa quân Đồng Tháp Mười bắt đầu tấn công quân Pháp tại Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý,... Đặc biệt là trận đánh đồn Mỹ Trà và nhà việc Mỹ Trà vào tháng 7/1865, nghĩa quân giành thắng lợi lớn, làm chủ tình hình hơn hai tiếng đồng hồ cho đến khi thủy quân Pháp dùng súng lớn giải vây cho đồn bọ.

Tháng 4/1866, tướng Pháp là Đơ La Grăngđiê (De Lagrandière) tập trung quân chia làm ba mũi tấn công Đồng Tháp Mười. Để bảo toàn lực lượng, Võ Duy Dương ra lệnh bỏ đại đồn Tháp Mười, rút lên biên giới và về Cái Thia (Cái Bè).

Tháng 11/1866, Võ Duy Dương vượt biển về kinh đô nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ nhưng bị nạn và mất tại cửa biển Cần Giờ. Sau đó, nghĩa quân Tháp Mười còn hoạt động lẻ tẻ một thời gian ở vùng biên giới Việt – Campuchia dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Văn Biểu, Nguyễn Văn Cẩn.

*– Hãy trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa do Võ Duy Dương lãnh đạo.*

### **3. Phong trào Đông Du của nhân dân Đồng Tháp**

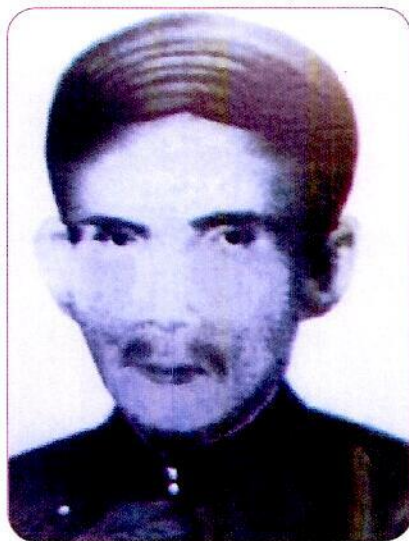
Thất bại của các cuộc đấu tranh vũ trang nửa sau thế kỉ XIX để lại cho những nhà yêu nước nhiều bài học thiết thực trong việc tìm đường cứu nước.

Năm 1905, Nhật Bản – một nước châu Á cường thịnh sau khi canh tân, đã đánh thắng nước Nga – một nước tư bản lớn ở phương Tây, kích thích sự chuyển hướng của các nhà yêu nước Việt Nam. Trong những năm đầu thế kỉ XX, phong trào Đông Du – sang Nhật du học để về cứu nước, được phát động rầm rộ, cả nước có hơn 200 thanh niên tham gia, riêng Đồng Tháp có 13 người xuất dương cầu học.

Những nhà hoạt động Đông Du ở Đồng Tháp đã tổ chức nhiều cuộc quyên góp trong nhân dân, chủ yếu là các nhà khá giả, đại điền chủ. Ở Cao Lãnh, đại điền chủ Lê Quang Hiến là nhà tài trợ lớn cho phong trào; ở Sa Đéc, một cơ sở kinh tài (hiệu buôn Tân Thành) vừa kinh doanh vừa nhận tiền đóng góp cho phong trào.

Năm 1907, khi phong trào đang phát triển, Chính phủ Nhật Bản đã trục xuất du học sinh Việt Nam. Cùng lúc đó, thực dân Pháp đàn áp mạnh những người ủng hộ, tham gia phong trào. Phần lớn du học sinh gốc Sa Đéc khi về nước đều bị bắt giam, sau đó cho an trí tại quê nhà, một số ít trốn sang Trung Quốc.

Tháng 5/1912, Phan Bội Châu và các nhà yêu nước Việt Nam đang ở Trung Quốc đã lập ra Việt Nam Quang phục hội, chủ trương vũ trang đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, lập chính thể Cộng hoà Dân quốc. Việt Nam Quang phục hội cử Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và Nguyễn Thần Hiến về nước xây dựng cơ sở. Cường Để đến Nam Kì, bí mật gặp gỡ các nhà yêu nước, trong đó có Nguyễn Quang Diêu – một nhà hoạt động Đông Du quê ở Tân Thuận (Cao Lãnh). Ông cùng các nhà yêu nước tụ họp tại chùa Linh Sơn (ở phường 3, thành phố Cao Lãnh ngày nay) để phổ biến chủ trương, đường lối của Việt Nam Quang phục hội. Tổ chức này nhanh chóng có cơ sở ở Nam Kì, nhất là khu vực Cao Lãnh – Sa Đéc.



Hình 1.7. Nguyễn Quang Diêu  
(1880-1936)

Tháng 5/1913, Nguyễn Quang Diêu được uỷ nhiệm dẫn đầu một phái đoàn Việt Nam Quang phục Hội Nam Kì đi Hồng Kông mua vũ khí, đưa hội viên ra nước ngoài và nhận quân dụng chuyển về nước, nhưng đến nơi được vài ngày thì tất cả đều bị bắt.

Nhà cầm quyền Pháp đã tìm mọi cách ngăn cấm, tù đày đe dọa đến bắt bớ, tù đầy khiến phong trào dần suy yếu rồi tan rã.

*Nêu những điểm giống và khác nhau của khởi nghĩa Võ Duy Dương và phong trào Đông du, Minh tân ở Đồng Tháp đầu thế kỉ XX.*



## THỰC HÀNH

1. Nêu khái quát những nội dung chính của lịch sử Đồng Tháp từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.
2. Lập sơ đồ tư duy về thay đổi tên gọi, địa giới hành chính, tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn Đồng Tháp thời Nguyễn.
3. Lập bảng thống kê các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp tiêu biểu trên địa bàn Đồng Tháp theo mẫu sau:

Tên phong trào/ người lãnh đạo	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
?	?	?

## VẬN DỤNG

Thực hiện bộ sưu tập hình ảnh, tranh vẽ, tư liệu,... về lịch sử Đồng Tháp từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX. Thuyết minh (bằng văn bản hoặc bằng lời) kết quả thu được.

## Chủ đề 2

# THỎ NHƯỜNG VÀ SINH VẬT TỈNH ĐỒNG THÁP

## MỤC TIÊU

- Trình bày được đặc điểm, sự phân bố, giá trị sử dụng của mỗi nhóm đất ở tỉnh Đồng Tháp.
- Nêu được các giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở tỉnh Đồng Tháp.
- Trình bày được các loài thực vật, động vật của tỉnh Đồng Tháp.
- Nêu được giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp.
- Bồi dưỡng lòng tự hào về các nguồn tài nguyên thổ nhưỡng, sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp và giáo dục ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các loại tài nguyên đó.

## KHỞI ĐỘNG

Tỉnh Đồng Tháp là một tỉnh đầu nguồn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có tài nguyên thổ nhưỡng và sinh vật phong phú. Việc sử dụng hợp lí tài nguyên thổ nhưỡng và sinh vật để phát triển sản xuất nông nghiệp và du lịch sinh thái theo hướng phát triển bền vững là một vấn đề mang ý nghĩa quan trọng đối với tỉnh Đồng Tháp. Chúng ta cần phải làm gì để khai thác hiệu quả tài nguyên thổ nhưỡng và sinh vật tỉnh Đồng Tháp theo hướng phát triển xanh và bền vững đó?

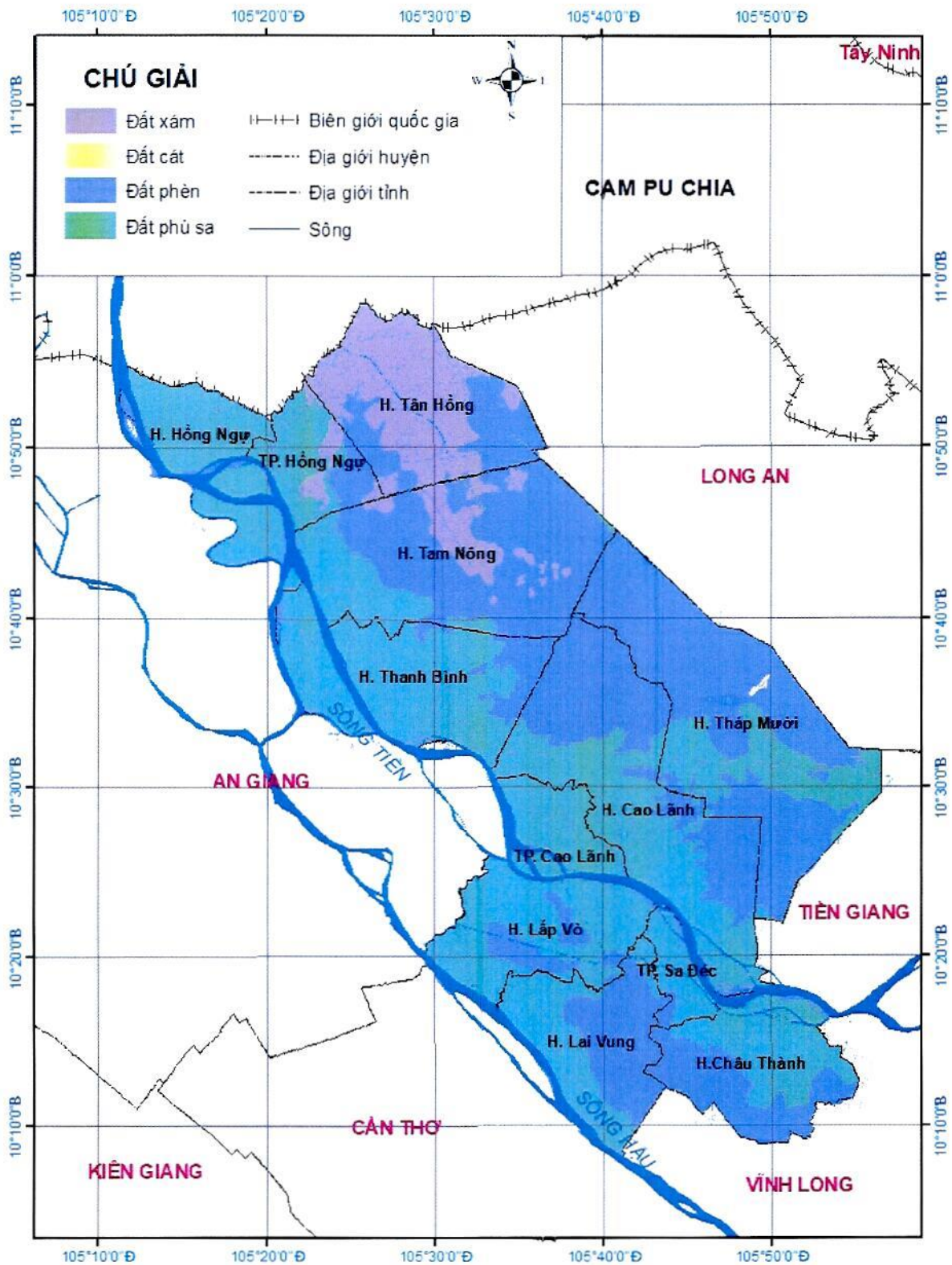
## HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### I. THỎ NHƯỜNG

#### 1. Các nhóm đất chủ yếu ở Đồng Tháp

- Dựa vào bản đồ đất ở tỉnh Đồng Tháp và thông tin dưới đây, hãy:
- Xác định các nhóm đất chính ở Đồng Tháp trên bản đồ.
  - Trình bày sự phân bố và giá trị sử dụng của từng nhóm đất.





Hình 2.1. Bản đồ tài nguyên đất tỉnh Đồng Tháp  
(Mai Phú Thanh và Ngọc Hân thực hiện trên số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Đồng Tháp có 4 nhóm đất chính: nhóm đất phù sa, nhóm đất phèn, nhóm đất xám và nhóm đất cát.

#### *a) Nhóm đất phù sa*

Diện tích 191 769 ha, chiếm 59,06% diện tích đất tự nhiên, đã trải qua lịch sử canh tác lâu dài, được phân bố ở hầu hết các địa phương trong tỉnh (trừ huyện Tân Hồng). Bên cạnh cây lúa, các loại cây trồng thích nghi với đất phù sa: ngô, mía, đay, dâu tằm, vừng, dưa hấu, khoai lang và bông,...

#### *b) Nhóm đất phèn*

Diện tích 84 382 ha, chiếm 25,9% diện tích tự nhiên, phân bố khắp 10 huyện, thị (trừ thành phố Cao Lãnh). Đa số đã được ngọt hoá. Trồng được lúa, nuôi trồng thuỷ sản với năng suất và chất lượng khá cao.

#### *c) Nhóm đất xám*

Diện tích 28 150 ha, chiếm 8,67% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu trên địa hình cao (các huyện Tân Hồng, Tam Nông và Hồng Ngự). Phần lớn vùng này không ngập hoặc ngập ít vào mùa lũ. Có thể trồng lúa 2 – 3 vụ.

#### *d) Nhóm đất cát*

Diện tích 120 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở Cao Lãnh (Động Cát) và Tháp Mười (Gò Tháp), có thể trồng 2 vụ đậu, 1 vụ lúa.

## **2. Các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên đất**

*Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày các giải pháp sử dụng hợp lý các nhóm đất vào sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp.*

#### *a) Chọn cơ cấu cây trồng phù hợp với từng nhóm đất đai*

- Đất phù sa được sử dụng trồng lúa 2 vụ, 3 vụ.
- Đất phèn và đất xám ở tỉnh Đồng Tháp đã được cải tạo thông qua hệ thống kênh mương thuỷ lợi rửa phèn, cung cấp nước ngọt thành đất trồng lúa 2 vụ, 3 vụ.
- Vùng đất xám ven biên giới cao ngập lũ sớm và lũ rút sớm hơn không bị phèn bốc trong mùa khô nên sau vụ lúa nổi có thể tăng vụ màu, đậu hoặc đay. Vùng lũ ngập sâu, có tập quán trồng lúa nổi từ lâu đời.
- Ở các vùng đất phù sa ven hai bên các sông ngòi, kênh rạch hay trên các cù lao giữa sông, các vườn chuyên canh cây ăn quả đã được hình thành, với nhiều loại cây đặc sản.

#### *b) Dùng nước ngọt thau chua đất phèn vào mùa lũ*

- Trên vùng đất phèn chuyên trồng lúa ở Đồng Tháp Mười có 3 hệ thống canh tác lúa, đó là: lúa 2 vụ không có đê bao; lúa 3 vụ có đê bao lửng và lúa 3 vụ có đê bao kín.



– Canh tác lúa trên đất phèn, bên cạnh chọn giống lúa thích hợp, cần phải áp dụng nhiều biện pháp cải tạo đất. Sử dụng nước ngọt để rửa phèn là biện pháp cải tạo có hiệu quả hơn cả.

#### *c) Xây dựng đê bao ngăn lũ bảo vệ đất lúa*

Tỉnh Đồng Tháp xây dựng đê bao khép kín để thích ứng với tình trạng ngập lũ và phục vụ nhu cầu canh tác lúa 3 vụ, giảm thiệt hại do ngập lũ và Đồng Tháp trở thành một trong các tỉnh có sản lượng lúa cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, việc canh tác lúa liên tục 3 vụ/ năm tạo điều kiện cho sâu bệnh phát triển quanh năm và có thể phát triển thành dịch.

#### *d) Trữ lũ trên đồng thông qua xả lũ có kiểm soát*

Đồng Tháp có 4 huyện xả lũ có kiểm soát gồm Tam Nông, Hồng Ngự, Tháp Mười và Cao Lãnh, với tổng diện tích trên 88 000 ha. Thời gian xả lũ từ ngày 1/7 đến 15/12, tùy tình hình lũ, mực nước cho vào ruộng dao động 0,4 m – 2 m, giúp đồng ruộng thau chua rửa phèn, xử lí các mầm bệnh trong đất.

## **II. SINH VẬT**

### **1. Thực vật**

#### *a) Thực vật tự nhiên*

*Đọc thông tin trong bài, hãy trình bày đặc điểm của thực vật ở tỉnh Đồng Tháp.*

– Tỉnh Đồng Tháp có trên 910 loài thực vật thuộc 545 chi của 152 họ, trong đó có 4 loài nằm trong *Sách Đỏ Việt Nam 2007* và 3 loài ở cấp độ bị đe dọa trở lên trong danh sách của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN).

– Trước đây, đa số diện tích các vùng đất ẩm, lầy thấp ở tỉnh Đồng Tháp được bao phủ bởi rừng rậm, với cây tràm chiếm ưu thế. Hiện nay, rừng tràm của tỉnh Đồng Tháp được phân bố chủ yếu ở các huyện Tam Nông, Tháp Mười, Cao Lãnh; rừng bạch đàn ở huyện Tân Hồng. Rừng được phân loại theo công dụng có: rừng đặc dụng (phân bố ở Vườn quốc gia Tràm Chim, Khu di tích Xẻo Quýt, Gò Tháp), rừng phòng hộ, rừng sản xuất.



Hình 2.2. Cây tràm nước



Hình 2.3. Cây Gáo vàng





Hình 2.4. Ráng Gạc Nai



Hình 2.5. Sen

Các loài thực vật tự nhiên còn phân bố dọc theo các vùng đất thấp, kênh rạch ven sông.

### b) Cây trồng

Phần lớn diện tích tỉnh Đồng Tháp đã được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, nên bên cạnh các thực vật tự nhiên còn có các cây trồng chính là: lúa, các cây công nghiệp ngắn ngày, các loại rau quả, các loại đậu, các loài hoa cảnh, cây kiểng,...



Hình 2.6. Hoa cúc mâm xôi ở làng hoa Sa Đéc

Tỉnh Đồng Tháp có nhiều giống lúa khác nhau để trồng thực nghiệm và sản xuất; đã xác định bộ giống cho sản xuất của địa phương. Đặc biệt, trong tỉnh còn có lúa tiên và lúa cảnh. Lúa cảnh Gia-pô-ni-ca (Japonica) là nguồn gen quý để tạo giống lúa thơm.

## 2. Động vật

Đọc thông tin trong bài, hãy trình bày đặc điểm động vật và các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng ở tỉnh Đồng Tháp.



Động vật ở tỉnh Đồng Tháp tập trung trong rừng tràm và đất ngập nước; có trên 32 loài thú, 77 loài bò sát, 22 loài lưỡng cư; trong đó, nhiều loài chim và cá có nguy cơ tuyệt chủng:

– Về chim: 13 loài chim quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần bảo vệ: chim sếu đầu đỏ, chim sẻ đồng ngực vàng, chim cắt lưng hung, chim cú lợn lưng nâu, chim ó cá, chim diều đầu trắng, chim già đẫy lớn, chim cốc đế lớn, chim rồng rộc vàng, chim bồ nông chân xám, chim điên điên, chim giang sen, chim chích choè lửa,...



Hình 2.7. Các loài chim làm tổ trên cây ở Vườn quốc gia Tràm Chim



Hình 2.8. Sếu đầu đỏ ở Vườn quốc gia Tràm Chim

– Về cá: các loài cá có nguy cơ tuyệt chủng là cá dầy, cá hồ, cá duồng, cá leo, cá lóc bông, cá ét mọi, cá ngựa nam, cá trên bầu, cá trê vàng, cá trê trắng, cá mè ri, cá thát lát còm, cá mây đá,...

Ngoài ra, tỉnh Đồng Tháp còn có sự đa dạng các loài vật nuôi trong các trang trại chăn nuôi (lợn, bò, gà, vịt,...), các cơ sở nuôi trồng thủy sản, các lồng bè trên sông (cá điêu hồng, cá he, cá hú, cá lăng nha, cá ba sa, cá lóc bông,...).

### 3. Các hệ sinh thái ở tỉnh Đồng Tháp

*Dựa vào thông tin trong mục 3, hãy trình bày các hệ sinh thái ở tỉnh Đồng Tháp.*

Các loài sinh vật tự nhiên ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống trong hệ sinh thái rừng của tỉnh Đồng Tháp, trong khi đó, cây trồng và vật nuôi sinh sống trên các hệ sinh thái nông nghiệp (hệ sinh thái đồng ruộng, hệ sinh thái nông nghiệp trên cạn, hệ sinh thái vườn, hệ sinh thái ao nuôi và hệ sinh thái dân cư).

Hai hệ sinh thái tự nhiên chiếm diện tích lớn, được bảo vệ nghiêm ngặt, gồm:

– *Hệ sinh thái đồng cỏ ngập nước theo mùa*: Thường ngập chìm trong nước từ 04 – 05 tháng/năm. Vào mùa khô, đồng cỏ rút nước trở nên khô, tạo điều kiện cho một số loài thực vật ưa ẩm phát triển, như: cỏ năng, mồm mốc, cỏ gạo, cỏ bàng, mồm mỡ, cỏ ống, cỏ bắc và lúa ma.



– Hệ sinh thái rừng tràm: Cây Tràm chiếm ưu thế, các loài thực vật phổ biến trong rừng tràm như bom bà, vú bò, vác, năng ống, năng kim, cỏ bàng, bèo tai chuột, hoàng đầu ấn, lúa ma, thủy thảo, nhĩ cán vàng, nhĩ cán tím, nhãn nhục, ráng chu mô có phù, tơ xanh, bông bong dẻo, bông bông leo và choại.



Hình 2.9. Đồng cỏ ngập nước theo mùa  
(Vườn quốc gia Tràm Chim)



Hình 2.10. Rừng tràm  
(Vườn quốc gia Tràm Chim)

#### 4. Các giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp

Đọc thông tin trong mục 4, hãy trình bày các giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp.

Tài nguyên sinh vật là tài nguyên phục hồi. Vì vậy, sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp là khai thác không vượt quá khả năng phục hồi của tài nguyên sinh vật. Khai thác phải kết hợp với bảo tồn tài nguyên sinh vật.

Một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp:

##### a) Đối với sinh vật tự nhiên

– Bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên (Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có các khu bảo tồn hệ sinh thái ngập nước, khu bảo vệ cảnh quan gồm: Vườn quốc gia Tràm Chim, Khu di tích Gò Tháp, Khu di tích lịch sử Xẻo Quýt, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.).

– Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật.

– Xây dựng các mô hình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên gắn với du lịch sinh thái bền vững có sự tham gia của cộng đồng.

– Xây dựng chương trình, tour du lịch sinh thái vừa gắn với bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật hoang dã, loài nguy cấp, quý, hiếm, được ưu tiên bảo vệ.

– Kiểm soát tình hình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.



– Kiểm soát các hoạt động đánh bắt, khai thác sinh vật mang tính hủy diệt; kiểm soát, ngăn chặn khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã.

– Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ các dịch vụ hệ sinh thái: Phát triển du lịch sinh thái ở khu bảo tồn thiên nhiên với sự tham gia của cộng đồng.

#### *b) Đối với cây trồng và vật nuôi*

– Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

– Bảo tồn các nguồn gen động, thực vật quý hiếm tại địa phương.

– Nuôi trồng thương mại các loài hoang dã thông thường.

– Bổ sung cá giống hàng năm vào sông rạch để tái tạo nguồn thủy sản.

### THỰC HÀNH

1. Trình bày về một trong các nhóm đất chính và việc sử dụng hợp lí nhóm đất mà em chọn trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Đồng Tháp.
2. Trình bày sự đa dạng và phong phú của nguồn tài nguyên sinh vật ở tỉnh Đồng Tháp. Nêu giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên sinh vật trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

### VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu về các loại đất ở địa phương em sinh sống. Nêu cách sử dụng hợp lí và biện pháp bảo vệ các loại đất của người dân trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
2. Thực hiện bộ sưu tập hình ảnh về các loài thực vật, động vật ở địa phương em. Viết báo cáo về sự đa dạng của tài nguyên sinh vật, cách sử dụng hợp lí và các biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học ở địa phương.

## Chủ đề 3

# THƠ CA ĐỒNG THÁP

## MỤC TIÊU

- Phát hiện được những địa danh, vẻ đẹp, dấu ấn văn hoá của vùng đất, con người Đồng Tháp qua các bài thơ viết về Đồng Tháp.
- Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp của tác phẩm.
- Phát hiện và phân tích được những yếu tố nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.
- Nhận diện và phân tích được những dấu ấn ngôn ngữ, văn hoá Đồng Tháp thể hiện trong các bài thơ.
- Viết được một bài thơ hoặc bài văn cảm nhận về một đoạn thơ/ bài thơ viết về Đồng Tháp.
- Yêu mến, tự hào với vẻ đẹp và truyền thống quê hương Đồng Tháp.

## KHỞ ĐỘNG

1. Thi đọc những câu ca dao hoặc câu thơ về Đồng Tháp mà em biết.
  - Tổ chức thành các đội thi.
  - Trong khoảng thời gian 5 phút, thành viên của các đội lần lượt đọc những câu ca dao hoặc câu thơ về Đồng Tháp.
2. Từ những câu ca dao, câu thơ về Đồng Tháp, hãy thiết kế ô chữ có các từ khoá liên quan đến Đồng Tháp.

## HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### I. KHÁI QUÁT THƠ CA ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp là vùng đất giàu truyền thống thơ ca. Nơi đây đã có một kho tàng ca dao, dân ca phong phú với nhiều nét độc đáo cả về nội dung và nghệ thuật. Đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, văn học viết được hình thành, những sáng tác văn học viết đầu tiên thuộc về thơ ca, mở đầu cho một bức tranh thơ ca Đồng Tháp khá rộng lớn và có nhiều thành tựu đặc sắc.



Trong quá trình phát triển, Đồng Tháp đã hình thành được đội ngũ sáng tác đông đảo, chất lượng. Bên cạnh tác giả địa phương, vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống con người, hiện thực kháng chiến và xây dựng vùng đất Đồng Tháp Mười đã tạo điều kiện cho nơi đây thu hút được nhiều tác giả tên tuổi từ các vùng đất khác đến sinh sống, làm việc. Vùng đất Đồng Tháp đã trở thành nơi yêu thương, gắn bó, gợi nhiều cảm hứng sáng tác. Bởi vậy có thể khẳng định, thơ ca nói riêng, văn học viết Đồng Tháp nói chung bao gồm sáng tác của các tác giả là người Đồng Tháp cũng như các tác giả từ nhiều vùng miền khác nhau viết về Đồng Tháp. Điều này đã làm nên sự phong phú, đa dạng về cả số lượng và giá trị văn chương cho văn học Đồng Tháp.

Tác giả của thơ ca Đồng Tháp giai đoạn đầu là các thân sĩ, trí thức như: Võ Hoàn, Đặng Thúc Liêng, Lê Văn Chánh, Hồ Văn Hảo,... Trong đó, nổi bật hơn cả là Nguyễn Quang Diêu với hàng trăm bài thơ, thể hiện tinh thần yêu nước, tư tưởng cấp tiến và ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp. Vào những năm 1935 – 1940, ở Đồng Tháp xuất hiện Hội Tao đàn, Tao đàn văn nhã với số lượng tác giả và tác phẩm lớn. Các sáng tác chủ yếu bằng thể thơ luật Đường, tập trung ở các đề tài: vịnh cảnh, vịnh vật, vịnh danh nhân; quê hương, xứ sở; luân lí, đạo đức; thể thái nhân tình; tình cảm gia đình,...

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến khu Đồng Tháp Mười được hình thành và nằm phần lớn trên đất Đồng Tháp. Các cơ quan kháng chiến và văn nghệ kháng chiến đều hội tụ về đây, hình thành đội ngũ sáng tác đông đảo, chuyên nghiệp như: Minh Lộc, Nguyễn Đắc Tường, Hữu Tâm, Mai Văn Tạo, Bảo Định Giang, Nguyễn Bình, Việt Ánh, Phước Hồng, Lại Trí Huệ, Sương Lam Tử, Vân Phi,... Thiên nhiên, con người, những đặc trưng văn hoá Đồng Tháp Mười và thực tiễn cuộc kháng chiến chính là mạch nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho các nhà thơ thoả sức sáng tạo. Các bài thơ của Bảo Định Giang, Nguyễn Bình, Việt Ánh, Vân Phi, Lê Anh Xuân, Giang Nam, Viễn Phương, Diệp Minh Tuyên, Nguyễn Đức Mậu, Thanh Thảo,... không chỉ phát huy trong cuộc kháng chiến mà đến ngày nay vẫn mang những giá trị tiêu biểu, điển hình.

Sau 1975, thơ ca Đồng Tháp càng có điều kiện phát triển mạnh với đội ngũ tác giả địa phương và sự hội tụ của những cây bút khắp mọi miền đất nước đến sinh sống, làm việc, tham quan du lịch. Những đề tài quen thuộc như quê hương, đất nước, văn hoá,... được cảm nhận và miêu tả ở nhiều góc độ khác nhau. Biên độ đề tài mở rộng đến nhiều vấn đề của cuộc sống đời thường: những suy tư, trăn trở của con người cá nhân, tình yêu, hạnh phúc,... Bên cạnh đó, các tác giả ngày càng tìm tòi, khám phá, thể nghiệm những cách thể hiện mới mẻ, độc đáo.

Trải qua hơn 100 năm, thơ ca Đồng Tháp đã đồng hành cùng quá trình phát triển của quê hương với những bước tiến và tạo ra nhiều giá trị tinh thần quý giá. Chính thơ ca đã ghi lại tiếng nói của ông cha trong lịch sử để trao truyền và bồi đắp tình yêu, lòng tự hào và ý thức dựng xây quê hương xứ sở.

## II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

### Văn bản 1

Đồng Tháp Mười<sup>(1)</sup>

(Nguyễn Bính)

(...)

1. Đồng Tháp Mười  
Đồng Tháp Mười  
Bao la bát ngát  
Bưng sậy lên hoang
5. Mùa nắng đất khô cỏ cháy  
Mùa mưa nước ngập lan tràn  
Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt  
Chân trời bốn mặt rộng thênh thang  
Bưng sinh hỗn loạn
10. Kinh rạch ngổn ngang  
Theo bờ kinh dân chúng lập thành làng  
Sức mạnh muôn người góp lại  
Khai khẩn đất hoang  
Đào đìa bắt cá
15. Lên liếp trồng tràm  
Có công cùng sức ta làm  
Nhớ câu tấc đất tấc vàng bấy nay  
Muối mòng đĩa vắt  
Nước đọng bùn lầy
20. Người dân quyết sống  
Quản gì đắng cay  
Nao nao mạch máu dòng kinh chảy  
Loang loáng mồ hôi luống đất cày  
Tuần mưa cũ nắng đổi thay
25. Vườn đơm trái ngọt,  
Ruộng đầy lúa thơm  
Đồng Tháp Mười  
Một mảnh giang sơn  
Hình thôn dáng xóm thương thương  
Hoa ô môi nở bốn phương anh đào.

<sup>(1)</sup> Bài thơ không đánh số thứ tự câu thơ, người biên soạn đánh số để tiện theo dõi.



30. Kể từ khi  
Đặt chân lên đất nước này  
Giặc Pháp giở trò xâm lược  
Ngậm hờn vong quốc  
Tháp Mười chung oán hận với non sông
35. Bông súng ngoài đồng  
Bầm gan tím mặt  
Nước phèn chua chát  
Lắng nổi đau thương  
Đốc Binh Kiều, Thiên Hộ Dương
40. Bóng cò khởi nghĩa mờ trong gió sương  
Dưới tay giặc trăm đường nhục nhã  
Nai lưng làm, làm chả có ăn  
Sưu cao thuế nặng trăm phần  
Bưng tai bịt mắt xiềng chân gục đầu
45. Trai tráng đi xa  
Trẻ không được học  
Đói nghèo nheo nhóc  
Khắp cả non sông thành địa ngục  
Há riêng Đồng Tháp mà thôi
50. Tiếng quốc canh trường kêu khắc khoải  
Đồng hoang với vợ bóng trăng soi  
Gươm báu chôn vùi  
Đợi giờ quật khởi  
Tám mươi năm đen tối
55. Chao ôi! Thèm khát mặt trời  
Đến một buổi  
Khắp xóm cùng làng  
Reo hò chuyển đất  
Say sưa ngây ngất
60. Cùng với giang sơn  
Mừng ngày Độc lập  
Đồng Tháp Mười  
Lúa vàng reo vui  
Chim ca không ngớt lời

65. Địa ngục phá toang  
 Xiềng xích chặt rồi  
 Giữa mùa thu, xuân đất nước khoe tươi  
 Sáng ra Đồng Tháp mặt trời lại lên  
 Dân ta giành được chính quyền
70. Gieo mùa hạnh phúc xây nền tự do  
 Gây dựng lại cơ đồ Đồng Tháp  
 Người dân cày mở mặt từ đây  
 Tiếng hò xa vọng chân mây  
 Bông gòn trắng xoá trái đầy lối đi
75. Sóng xanh biển lúa xanh rì  
 Gió lên từng dãy buồm về phiêu phiêu  
 Mỹ An, Thiên Hộ, Cái Bèo  
 Rau tươi, trái chín, chợ chiều họp đông  
 [...]

(Theo *Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX*,  
 Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, 2002)



Nguyễn Bính (1918 – 1966)

Nguyễn Bính (1918 – 1966) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính (thời gian ở Nam Bộ lấy tên là Nguyễn Bính Thuyết), quê ở làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội (nay là xã Cộng Hoà), huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Nguyễn Bính sớm mồ côi mẹ, cuộc sống khó khăn, về sau theo anh trai là nhà thơ Trúc Đường ra Hà Nội. Sau 1945, ông hoạt động ở Nam Bộ, có thời gian khá dài ở chiến khu Đồng Tháp Mười, làm công tác tuyên huấn và văn nghệ. Sau 1954, ông tập kết ra Bắc, tiếp tục làm văn nghệ, báo chí cho đến lúc mất.

Nguyễn Bính làm thơ từ sớm và có nhiều tác phẩm lớn như: *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Mười hai bến nước* (1942), *Gửi người vợ miền Nam* (1955), *Đêm sao sáng* (1962),... Trước 1945, ông là một trong những nhà thơ thành công nhất trong phong trào Thơ mới. Thơ Nguyễn Bính có phong cách đậm màu sắc dân tộc, thiên về thể thơ lục bát; cảnh sắc và con người đều thấm đượm tình quê. Vì thế, ông được coi là “thi sĩ của đồng quê”, “nhà thơ chân quê”. Sau 1945, thơ Nguyễn Bính mang hơi thở của cách mạng và kháng chiến.



Bài thơ *Đồng Tháp Mười* được sáng tác trong thời gian nhà thơ Nguyễn Bính hoạt động ở chiến khu Đồng Tháp Mười, Tác phẩm được trao Giải đặc biệt Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Quang Diêu của tỉnh Đồng Tháp lần thứ nhất. Văn bản đọc hiểu là phần đầu của bài thơ.

### Hướng dẫn tìm hiểu

1. Bài thơ *Đồng Tháp Mười* được viết theo thể thơ gì? Nêu một số đặc điểm của thể thơ đó thể hiện trong bài thơ.
2. Xác định bố cục chủ đề, mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
3. Theo em, tác giả bày tỏ suy nghĩ gì ở hai câu thơ đầu? Cách thể hiện đó có gì đặc biệt?
4. Đồng Tháp Mười trong buổi đầu mở cõi được miêu tả như thế nào? Qua đó, em tưởng tượng như thế nào về cuộc sống con người ở Đồng Tháp Mười thời đó?
5. Ở phần sau của văn bản, tác giả đã nói về những sự kiện gì ở Đồng Tháp Mười? Những sự kiện đó có ý nghĩa gì?
6. Trong văn bản có những từ ngữ địa phương và những đặc trưng văn hoá Đồng Tháp. Em hãy:
  - a. Xác định từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân trong văn bản. Cho biết tác dụng của các từ ngữ địa phương đó.
  - b. Phân tích những nét đặc trưng của văn hoá Đồng Tháp thể hiện trong văn bản.

### Văn bản 2

#### Mùa nước nổi

(Diệp Minh Tuyên)

Mùa nước nổi nâng làng lên chơi vơi  
Người ở đây sống giữa nước với trời  
Đất lặn xuống cho đồng chìm dưới đáy  
Tháp Mười vui hoá thành biển khơi.

Nhà ở đây treo lưng chùng cây  
Sàn bắc cao trên mặt nước đầy  
Cuộc sống nổi vươn theo mùa lúa sạ  
Làng im lìm mọc trong rừng cây.

Cơn gió nồm mang mây về đây  
Mưa rả rích ướt bầu trời tháng Bảy

Đêm trở giấc nằm nghe tôm cá quẫy  
Ngủ thấy mùi thơm ngọt cá nướng trui.

Bông súng nở xoè trên mặt sóng vui  
Lấp ló thân trầm là công sự nổi  
Làng chiến đấu mặc bom gầm pháo dội  
Hương trầm thơm sừng sững pháo đài.

Ta càng đánh càng thêm dẻo dai  
Như nước, bứt không rời, chặt đi không dứt  
Sống trên nước, chết trầm dưới nước  
Mỗi cuộc đời đẹp tựa đoá sen.

Sống ở đây, cực quá thành quen  
Nguy hiểm lắm nên xem thường cái chết  
Chỉ Độc lập – Tự do là trên hết  
Miễn “còn non, còn nước, còn người”.

Ta sẽ còn tất cả cuộc đời  
Đất màu mỡ phù sa sự sống  
Khi nước rút, trồi phì nhiều đồng ruộng  
Một mùa vui hạnh phúc sẽ nảy mầm.

30/12/1969

(Theo Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX,  
Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, 2002)



Diệp Minh Tuyên  
(1941 – 1997)

Diệp Minh Tuyên (1941 – 1997) quê ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (lúc bấy giờ gọi là thị xã Mỹ Tho, thuộc tỉnh Mỹ Tho) trong gia đình trí thức yêu nước. Từ nhỏ, ông theo cha mẹ vào hoạt động ở chiến khu Đồng Tháp Mười, U Minh. Sau 1954, ông tập kết ra Bắc, học Đại học Tổng hợp Văn, hoạt động nghệ thuật trong lĩnh vực âm nhạc và văn học. Năm 1968, ông xung phong trở lại chiến trường miền Nam. Sau 1975, Diệp Minh Tuyên tiếp tục sống và công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh.



Diệp Minh Tuyên là nhà thơ và nhạc sĩ. Ở lĩnh vực nào ông cũng có những tác phẩm hay, được công chúng đón nhận nhiệt liệt. Thơ Diệp Minh Tuyên khoẻ khoắn, lạc quan và lắng sâu với những câu thơ giàu hình ảnh, sáng tạo, giàu chất nhạc. Các tập thơ chính: *Mùa nước nổi* (1972), *Đêm châu thổ* (1975), *Con đường có lá me bay* (1987), *Tình ca nơi cuối đất* (1991), *Hoà âm đở* (1997),...

Bài thơ *Mùa nước nổi* in trong tập thơ cùng tên, xuất bản năm 1972 và được in lại trong *Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX*, Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, 2002.

### Hướng dẫn tìm hiểu

1. Xác định mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
2. Thiên nhiên Đồng Tháp Mười trong mùa nước nổi được miêu tả qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó có nét gì độc đáo?
3. Qua cách miêu tả của tác giả, em thấy cuộc sống con người Đồng Tháp trong mùa nước nổi như thế nào?
4. Ở khổ thơ thứ 5, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.
5. Hai khổ cuối của bài thơ gợi nhiều suy tưởng. Theo em, những suy tưởng đó là gì và được gợi lên từ những chi tiết, hình ảnh nào?
6. Em hãy nhận xét về giọng điệu của bài thơ. Giọng điệu đó thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả ra sao?
7. Thông điệp mà em rút ra từ văn bản là gì?



### THỰC HÀNH

1. Trong hai bài thơ *Đồng Tháp Mười* (Nguyễn Bính), *Mùa nước nổi* (Diệp Minh Tuyên), em ấn tượng với khổ thơ hay hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?
2. Hai bài thơ *Đồng Tháp Mười* (Nguyễn Bính), *Mùa nước nổi* (Diệp Minh Tuyên), gợi cho em những cảm nhận như thế nào về thiên nhiên và con người Đồng Tháp.



### VẬN DỤNG

1. Sưu tầm một số bài thơ viết về Đồng Tháp.

TT	Tên tác phẩm	Tác giả	Nguồn sưu tầm	Cảm nhận chung

2. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày cảm nhận của em về thiên nhiên, con người Đồng Tháp qua một (một số) bài thơ em đã học và tìm hiểu.
3. Từ việc tìm hiểu những bài thơ viết về Đồng Tháp và từ tình yêu với vùng đất quê hương, em hãy viết một bài thơ bày tỏ tình cảm với quê hương mình.

### Đọc mở rộng 1

*Gửi em bên sông Sở Thượng*

**(Mai Văn Tạo)**

Trở lại bưng biển một sớm đông  
Làn sương lành lạnh trải trên sông  
Ầm ầm vang dội bên thôn vắng  
Tiếng pháo cầm canh, đau nhói lòng.

Xơ xác bờ tre bóng nắng tươi  
Đầu mương bầm đỏ cánh ô môi  
Lặng nhìn chim én dang đôi cánh  
Liệng mãi trên dòng nước biếc trôi.

Làng cháy điu hiu chẳng bóng người  
Chợt đâu em bé đến bên tôi  
Ngây thơ em hỏi: “Anh chạy lạc?  
Em dẫn anh về chỗ nghỉ ngơi.

Chạy sớm tới giờ anh đói không?  
Chờ đây anh nhớ! Em vô đồng  
Kêu ba, kêu chị về nhóm bếp  
Cơm nước giúp anh đỡ đói lòng”.

Hôm ấy mâm cơm mấm với cà  
Chiều sang làng kể có đâu xa  
Mà khi từ giã tim xao xuyến  
Cứ mãi nhìn em trong nắng tà.

Mùa đông, 1948  
(Theo *Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX*,  
Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, 2002)



## Độc mở rộng 2

### Hoài bão

(Thu Nguyệt)

Làng quê tôi nép bên bờ câu hát  
“Mượn chén ăn cơm... lắt léo gập ghềnh...”  
Nếu ai có một làng quê như vậy  
Thì suốt đời không thể nào quên.

Lục bình buồn trôi xuống trôi lên  
Hoa tím vương mái dầm vôi vữa  
Người quê tôi không ai già yếu cả  
Mắt nhắm rồi đất còn đọng máng tay.

Ngày tháng quê tôi không rộng không dài  
Nỗi tất bật rộng dài hơn ngày tháng  
Già tóc màu mây, trẻ tóc màu nắng  
Đồng lúa quê tôi theo mùa cứ xanh rờn.

Ba tôi suốt đời không thích ngắm gì hơn  
Vàng lúa chín, con sông mùa nước đỏ  
Bọn trẻ chúng tôi lớn dễ dàng như cỏ  
Lúc hát vẫn là “... bắt nhái, cặm câu...”.

Thế nhưng dù đi đâu về đâu  
Tôi vẫn nhớ như in mùi đất ướt  
Dáng ba tôi ngồi be bờ tát nước  
Cuối tháng mười cơn gió bắc se se,

Gió bắc đi rồi gió bắc lại về  
Câu chúc tết năm này như năm trước  
Tôi đội đá mong mọi người kí ước:  
Làng quê ta phải khác với bây giờ!

(Theo *Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX*,  
Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, 2002)

### Hướng dẫn tìm hiểu

1. Xác định thể thơ và bố cục của các bài thơ *Gửi em bên sông Sở Thượng* (Mai Văn Tạo), *Hoài bão* (Thu Nguyệt).
2. Em cảm nhận như thế nào về thiên nhiên và con người Đồng Tháp thời kháng chiến và thời bình qua hai bài thơ *Gửi em bên sông Sở Thượng* (Mai Văn Tạo), *Hoài bão* (Thu Nguyệt).

## Chủ đề 4

# MỘT SỐ NGHỆ NHÂN, NGHỆ SĨ CÓ NHIỀU ĐÓNG GÓP CHO ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở ĐỒNG THÁP

### MỤC TIÊU

- Nêu được những nét chính về cuộc đời và những đóng góp của nhạc sư Vĩnh Bảo đối với nghệ thuật đàn ca tài tử.
- Nêu những nét chính về cuộc đời và những đóng góp cho âm nhạc truyền thống của nghệ sĩ ưu tú Mười Đờn.
- Nêu được những nét chính về cuộc đời và những đóng góp của NSUT Kim Nhụy đối với Hò Đồng Tháp.
- Nghe và nêu được cảm nhận về tính chất âm nhạc của bài Hò Đồng Tháp và câu rao của bản *Luy thủy trường* do nhạc sư Vĩnh Bảo đàn tranh.

### KHỞ ĐỘNG



Hình 5.1. Nhạc sư Vĩnh Bảo bên các nhạc cụ thường dùng để sáng tác của ông

Quan sát hình ảnh và chỉ ra các nhạc cụ mà em biết.





Từ thông tin trong bài đọc, em hãy:

– Nêu những nét chính về cuộc đời và những đóng góp của nhạc sư Vĩnh Bảo cho nghệ thuật đờn ca tài tử và âm nhạc dân tộc.

– Trình bày những nét chính về cuộc đời và những đóng góp cho âm nhạc truyền thống của nghệ sĩ ưu tú Mười Đờn.

– Nêu những nét chính cuộc đời và những đóng góp của NSUT Kim Nhụy đối với thể loại Hồ Đồng Tháp.

### 1. Nhạc sư Vĩnh Bảo



Hình 5.2. Nhạc sư Vĩnh Bảo tại nhà riêng

Nhạc sư Vĩnh Bảo có tên đầy đủ là Nguyễn Vĩnh Bảo, sinh năm 1918 tại làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc – nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Gia đình ông có truyền thống yêu đờn ca tài tử. Cụ thân sinh của ông rất sành nhạc tài tử, nhạc lễ, hát bội và là người chơi cở nhạc giỏi nên nhạc sư Vĩnh Bảo tiếp cận với cở nhạc khá sớm. Từ 5 tuổi, ông đã biết chơi đờn kìm, đờn cò và đến 10 tuổi thì thành thực nhiều loại nhạc cụ khác như đờn bầu, đờn gáo, đờn tranh,...

Đã có thời gian, ông Vĩnh Bảo quyết định sang Cam-pu-chia mưu sinh với công việc làm thu ngân trong Hãng Nước đá Le Sud Industry của một ông chủ người Pháp, rồi làm thư kí đánh máy cho Sở Trường Tiền. Trong thời gian ở đây, những lúc rảnh rỗi, ông lại tụ họp bạn đồng hương yêu thích văn nghệ lập gánh hát. Năm 1938, ông quay lại Sài Gòn, được hãng đĩa Béka – thuộc Công ty John Keller (Đức) – mời thu thanh một số bản đờn.

Từ những năm 1930, ông đã có đĩa nhạc đầu tiên khi thu âm cùng giọng ca cô Ba Thiệt và hai nghệ sĩ đờn Năm Nghĩa, Ba Cân. Đĩa nhạc này đánh dấu sự hình thành của vọng cổ nhịp 16, sau đó *Dạ cổ hoài lang* mới phát triển. Ông Vĩnh Bảo là nghệ nhân đánh đàn tranh, một nghệ sĩ trình tấu nhạc dân tộc tài ba, tinh tế và là một nhà lí luận bậc thầy về âm nhạc dân tộc. Ông nghiên cứu sâu về nhạc dân tộc Nam Bộ, nhất là đàn tranh. Ông cũng là một trong những người thuộc thế hệ sáng lập Trường Quốc gia Âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1972, nhạc sư Vĩnh Bảo và giáo sư Trần Văn Khê còn đưa âm nhạc Việt Nam ra thế giới qua đĩa “*Nhạc tài tử Nam Bộ*” do hai ông diễn tấu, được



Hãng Ocarra và UNESCO thu âm tại Paris. Cũng vào khoảng thời gian này, ông và giáo sư Trần Văn Khê đã sang Mỹ, Pháp để giảng dạy âm nhạc Việt Nam. Năm 2005, ông và giáo sư Trần Văn Khê được trao tặng Giải thưởng Đào Tấn của Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2006, ông là một trong số sáu nhạc sư có tầm ảnh hưởng trên thế giới, được vinh danh tại Hội thảo Dân tộc Nhạc học thế giới (Ethnomusicology) tại thành phố Honolulu – Mỹ. Không chỉ ở lĩnh vực diễn xướng, diễn tấu, ông còn là một “nhà phát minh, sáng chế” khi đã cải tiến cây đàn tranh từ 16 dây thành 17, 19 và 21 dây nhằm có thể dễ dàng xử lý các “hơi” và “điệu” trong âm nhạc truyền thống Việt Nam mà không cần phải chỉnh lại dây.

Năm 2008, nhạc sư Vĩnh Bảo được Đại sứ Pháp tại Việt Nam thay mặt Bộ Văn hoá Pháp tặng ông Huân chương “Officier des Art et des Lettres”, đây là phần thưởng cao quý của nước Pháp dành cho những văn nghệ sĩ có cống hiến to lớn cho nghệ thuật và văn chương trên thế giới.



Hình 5.3. Nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo (trái) được vinh danh tại Lễ trao giải văn hoá Phan Châu Trinh lần thứ 8 – năm 2015

Năm 2018, ông từ Thành phố Hồ Chí Minh trở về quê sinh sống, an hưởng tuổi già đồng thời tặng toàn bộ tài liệu mà ông dành tâm huyết sưu tầm, biên soạn trong suốt hơn 90 năm cho tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 7/01/2021, ông qua đời tại nhà riêng ở tuổi 104. Cây đại thụ của nền âm nhạc dân tộc Việt Nam, người nâng tầm cho đờn ca tài tử Nam Bộ đã rời xa nhưng những thành quả mà ông đã để lại vẫn sẽ tiếp tục được các thế hệ đi sau tiếp nối giữ gìn và phát triển.

## 2. Nghệ sĩ ưu tú Mười Đờn

Ông Mười Đờn tên thật là Đinh Trung Dững, sinh năm 1918 tại Lai Vung, Sa Đéc, mất năm 1996.

Từ năm 1940, ông Mười Đờn đã nổi tiếng khắp khu vực miền Tây Nam Bộ bởi ngón đờn điệu luyện của mình. Ông tham gia cách mạng từ sớm và hoạt động chính trong lĩnh vực văn hoá văn nghệ. Khoảng năm 1961, danh đờn kim và nhạc tài tử Đinh Trung Dững công tác tại Đoàn Văn công Giải phóng khu



R (chiến khu R) và sau đó ông được giao chức vụ trưởng đoàn. Đến khoảng năm 1963, bộ phận cải lương tách khỏi Đoàn Văn công Giải phóng để thành lập đoàn cải lương, ông chuyển sang làm trưởng Đoàn Cải lương Nam Bộ cho đến ngày đất nước hoàn toàn thống nhất. Tháng 3/1956, ông là một trong những cán bộ đầu tiên của Ban Bình vận tỉnh Kiến Phong<sup>(1)</sup>.

Không chỉ là người chơi đàn kìm giỏi, ông Đinh Trung Dũng còn tự học hỏi những người đi trước và bước vào lĩnh vực sáng tác các bản đàn ca tài tử, soạn các vở cải lương. Ông cũng đã trực tiếp phát hiện, bồi dưỡng nhiều nghệ sĩ xuất sắc trong lĩnh vực sân khấu cải lương như: Cố nghệ sĩ ưu tú Hương Xuân, nhạc sĩ Huy Thanh,...

Ngày 21/11/1996, người con ưu tú của mảnh đất Lai Vung từ giã cõi đời. Những cống hiến của ông dù ít được sách vở hay tư liệu lịch sử ghi chép cụ thể, nhưng tên tuổi người nghệ sĩ tài năng Mười Đờn vẫn mãi là niềm tự hào của quê hương Đồng Tháp.

### 3. Nghệ sĩ ưu tú Kim Nhụy



Hình 5.4. Nghệ sĩ Ưu tú Kim Nhụy

Nghệ sĩ ưu tú (NSUT) Kim Nhụy có tên đầy đủ là Nguyễn Thị Kim Nhụy, sinh năm 1929. Bà lớn lên ở huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nơi ngày ngày được nghe tiếng hò của người nông dân cần mẫn với ruộng đồng. Bà sớm bộc lộ năng khiếu âm nhạc từ lúc còn rất nhỏ. Năm 12 tuổi, bà đã thuộc hàng trăm bài dân ca, hát ru, vọng cổ. Những vốn âm nhạc ấy đều được bà học lỏm qua một vài lần nghe từ bà con hàng xóm hay từ những lần người anh của bà tụ tập bạn bè đàn ca tài tử.

Năm 1945, bà tham gia kháng chiến, làm công tác địch vận cho tỉnh đội Long Châu Sa. Bà bị địch bắt, đánh đập nhưng sau đó được tổ chức bố trí vượt ngục và về Đoàn Văn công Ngũ Yển. Năm 1954, bà tập kết ra Bắc, tham gia vào Đoàn Văn công Nam Bộ, sau đó về Đài Tiếng nói Việt Nam phụ trách chuyên mục hát dân ca Nam Bộ và cải lương. Trong thời gian công tác tại đây, bà từng dạy dân ca và nhạc cổ truyền cho Trường Quốc gia âm nhạc, đồng thời tham gia nhiều vở ca kịch nổi tiếng. Trong đó, vai diễn Phồn Y trong vở cải lương *Lôi Vũ* đã để lại dấu ấn nghệ thuật sâu đậm trong lòng khán giả. Nhiều thế hệ học trò của bà đã thành danh như: Trang Nhung, Thuý Đạt (Đài Tiếng nói Việt Nam), Ngọc Mai (Đài Phát thanh Giải phóng),... Vào khoảng năm 1957, Đài Tiếng nói Việt Nam đã thu âm một số bài Hò Đồng Tháp trên loại đĩa than. Giọng hát, tiếng hò của bà nổi tiếng đến mức mỗi khi nhắc đến dân ca hay hát ru Nam Bộ là người ta thường nghĩ đến nghệ sĩ Kim Nhụy. Năm 1960, bà tham gia và đoạt Huy chương Vàng trong Hội diễn Nghệ thuật Toàn quốc về hò và cải lương.

<sup>(1)</sup> Tỉnh Kiến Phong bao gồm Châu Đốc, Sa Đéc và Long Xuyên ngày nay.



Có một câu chuyện rất cảm động về NSUT Kim Nhụy được nhạc sĩ Cao Văn Lý kể lại rằng: Năm 1957, nước ta không tổ chức tổng tuyển cử được. Vì thế, Đoàn Văn công tỉnh Long Châu Sa lúc này đang ra công tác ở miền Bắc và không trở về được miền Nam. Trong một lần gặp gỡ với bộ đội, nghệ sĩ Kim Nhụy đã cất tiếng hò: “*Giọt lệ chia li trĩu nặng lòng người chiến sĩ/ Buổi trùng phùng ta giữ kĩ trong tim/ Dù cho đá nổi mây chìm/ Đố ai ngăn được cánh chim về đàn*”. Mọi người nghe xong, không vỗ tay mà chỉ khóc – những giọt nước mắt nhớ quê hương và căm thù giặc cắt chia núi sông, giọt nước mắt của những lời thề quyết cầm súng trở về giải phóng quê hương, thống nhất non sông Việt Nam yêu dấu.

Năm 1966, do ảnh hưởng bởi những lần bị giặc tra tấn, sức khỏe của bà giảm sút, bà xin nghỉ hưu. Tuy vậy, bà vẫn hợp đồng biểu diễn, thu âm cho Đài Tiếng nói Việt Nam và giảng dạy cho Trường Nghệ thuật Sân khấu. Năm 1976, NSUT Kim Nhụy trở về sinh sống tại quê nhà ở ấp Bình Hoà, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Bà qua đời tại nhà riêng vào ngày 19/7/2018. Giọng hò và tình yêu của bà dành cho quê hương sẽ là nguồn động lực, nguồn cảm hứng cho các thế hệ đi sau tiếp nối giữ gìn và phát huy giá trị nghệ thuật tiêu biểu và đặc sắc của Hò Đồng Tháp.

## THỰC HÀNH

### Hát

– Hát bài Lí ngựa ô “*Bắc*” với tốc độ hơi nhanh, thể hiện tính chất vui, rộn ràng.

### LÍ NGỰA Ô “*Bắc*” (Bài 3)

*Hơi nhanh, rộn ràng* *Dân ca Nam Bộ*



Khớp con ngựa ngựa ô. Khớp con ngựa ngựa ô. Ngựa ô anh thắng anh thắng kiêu vàng. Anh tra khớp bạc lục lạc đồng đen búp sen lá dâm dâm cương dâm thắm cán roi anh bít đóng (thà) ư ư ư. Anh ừ anh đưa nàng anh đưa nàng anh đưa nàng về đình ư ư ư... đình



– Sử dụng nhạc cụ gõ để gõ đệm cho bài *Lí ngựa ô* theo mẫu dưới đây:

### LÍ NGỰA Ô "BẮC" (Bài 3)

*Hơi nhanh, rộn ràng* *Dân ca Nam Bộ*

Khớp con ngựa ngựa ô. Khớp con

*Lí ngựa ô* “*Bắc*” là một trong sáu bài lí thuộc hệ thống bài bản đờn ca tài tử. Bài hát có giai điệu tươi vui, rộn ràng, là cách biểu đạt tình cảm chân thật nhưng rất lãng mạn và đáng yêu của người Nam Bộ.

### Nghe nhạc

1. Nghe/ xem bài *Hò Đồng Tháp* (hoặc một bài hò khác) và nêu cảm nhận của em về tính chất âm nhạc và nội dung lời ca.

### HÒ ĐỒNG THÁP (trích)

*Chậm, tự do, mênh mông*  $\text{♩} = 50$  *Người hò: Kim Nhung*  
*Sưu tầm, ghi âm: Trần Kiệt Tường*

*Nữ*  
Mặt mặt mây bay khói toả a em ngồi trông anh mây rã

từng ơ chòm ơ ơ hoà ơ

Hơ ơ ư *Nữ* ơ anh ơi...

2. Nghe và nêu cảm nhận của em về tính chất âm nhạc bản *Lưu thủy trường* (hoặc một bản khác) trong đờn ca tài tử được diễn tấu bởi nhạc sư Vĩnh Bảo.

## Câu rao<sup>(1)</sup> bài Lưu thủy trường

Nhạc đờn ca tài tử Nam bộ  
Bản đàn tranh do nhạc sư Vĩnh Bảo diễn tấu  
Kí âm: Nguyễn Thị Mỹ Liêm

*Ad libitum*

The image shows a musical score for a piece titled 'Câu rao bài Lưu thủy trường'. It consists of four staves of music written in a traditional notation style, likely for a zither (đàn tranh). The first staff begins with the instruction 'Ad libitum'. The notation includes various note values, rests, and ornaments, characteristic of traditional Vietnamese folk music.

### VẬN DỤNG

- Tìm hiểu thêm một số nghệ nhân, nghệ sĩ của tỉnh Đồng Tháp để chia sẻ cùng bạn.
- Em sẽ làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống của quê hương Đồng Tháp?
- Sưu tầm và phổ biến những bản nhạc truyền thống ở Nam Bộ để chia sẻ cùng các bạn.

<sup>(1)</sup> Câu rao là câu nhạc dạo mở đầu cho bài đờn.



## Chủ đề 5

# XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HOÁ Ở ĐỒNG THÁP

## MỤC TIÊU

- Giới thiệu khái quát về nếp sống văn hoá và biểu hiện cụ thể của nếp sống văn hoá.
- Nêu được một số nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Giới thiệu một số hoạt động tham gia, vận động hưởng ứng các hoạt động xây dựng nếp sống văn hoá ở địa phương Đồng Tháp.

## KHỞI ĐỘNG

Nêu tên một số hành vi thể hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng hoặc tại trường em đang học.

## HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ NẾP SỐNG VĂN HOÁ VÀ BIỂU HIỆN CỤ THỂ CỦA NẾP SỐNG VĂN HOÁ

#### 1. Khái quát chung về nếp sống văn hoá

- *Nếp sống văn hoá được hiểu như thế nào?*
- *Lấy ví dụ một số hành vi thể hiện nếp sống văn hoá tại cộng đồng dân cư nơi em sống.*
- Cộng đồng dân cư là toàn thể những người sinh sống trong cùng khu vực lãnh thổ hoặc đơn vị hành chính gắn bó thành khối, giữa họ có sự liên kết hợp tác với nhau cùng có lợi chung.
- Nếp sống văn hoá là nếp sống theo các chuẩn mực giá trị văn hoá, đáp ứng yêu cầu tổ chức của cuộc sống của cộng đồng trong môi trường một địa phương.

– Nếp sống văn hoá ở đây là những hoạt động, truyền thống, tập quán của nhân dân một địa phương đã được hình thành và vẫn đang thực hiện, những hoạt động này phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam thể hiện sự văn minh.

## **2. Một số biểu hiện cụ thể của nếp sống văn hoá, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư**

*Lấy ví dụ minh chứng một số biểu hiện của nếp sống văn hoá tại cộng đồng dân cư nơi em sống. Giải thích vì sao.*

Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là làm cho điều kiện văn hoá ngày càng lành mạnh phong phú, giữ trật tự an ninh, vệ sinh môi trường.

Xây dựng nếp sống văn hoá, góp phần xây dựng cộng đồng dân cư được thể hiện qua rất nhiều hành vi, hoạt động quy định trong luật pháp hoặc những quy định chung của cộng đồng dân cư địa phương. Nếp sống văn hoá có thể được biểu hiện cụ thể qua:

- Tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ.
- Tránh xa những tệ nạn xã hội.
- Đấu tranh với những hệ tư tưởng mê tín dị đoan.
- Vệ sinh đường phố.
- Tôn trọng những quy định của pháp luật.
- Chấp hành những quy định chung của cộng đồng dân cư địa phương,...

## **II. TÌM HIỂU MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN NẾP SỐNG VĂN HOÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Đọc Điều 2 và thực hiện các yêu cầu:*

– Tại sao phải nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng?

– Làm thế nào để người dân tuân thủ các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng?

– Ở địa phương em đang sinh sống có thường xuyên thực hiện các nguyên tắc ấy không? Lấy ví dụ minh họa.

### **... Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

Tổ chức, cá nhân khi tổ chức hoặc tham gia việc cưới, việc tang và lễ hội phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Không trái với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; không để xảy ra các hoạt động mê tín dị đoan như: xem số, xem bói, yểm bùa, trừ tà và các hình thức mê tín dị đoan khác.



3. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để hoạt động, tuyên truyền trái pháp luật nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, dòng họ và gia đình.

4. Không lợi dụng việc cưới, việc tang và lễ hội để trục lợi cá nhân; không tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

5. Trong quá trình tổ chức, tham gia việc cưới, việc tang không gây mất an ninh trật tự, cản trở giao thông và các hoạt động công cộng; giữ gìn vệ sinh môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Không sử dụng phương tiện công và thời gian làm việc của cơ quan, tổ chức để thực hiện, tổ chức và tham dự việc cưới, việc tang và lễ hội (trừ trường hợp thực hiện công vụ); không sử dụng công quỹ, tài sản công để làm quà mừng cưới, viếng đám tang, dâng lễ hội phục vụ cho mục đích cá nhân.

7. Trường hợp sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố phục vụ cho việc cưới, việc tang phải thực hiện theo quy định của Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

8. Tôn trọng sự yên tĩnh của cộng đồng; sử dụng âm thanh trong việc cưới, việc tang phải đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép quy định tại Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường...

*(Theo Quyết định ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)*

### **III. GIỚI THIỆU MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG THAM GIA, VẬN ĐỘNG HƯỚNG ỨNG CÁC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HOÁ Ở ĐỒNG THÁP**

#### **1. Trong hoạt động lễ hội**

*Đọc Điều 12 dưới đây và thực hiện các yêu cầu:*

*– Tại sao phải nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá trong hoạt động lễ hội?*

*– Làm thế nào để người dân tuân thủ các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng trong hoạt động lễ hội?*

*– Trong các lễ hội ở địa phương em đang sinh sống có thường xuyên thực hiện các nguyên tắc ấy không? Lấy ví dụ minh họa.*

#### **... Điều 12. Tổ chức lễ hội**

1. Nghi thức lễ hội phải được tiến hành trang trọng, phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc;

2. Trong khu vực lễ hội, cờ Tổ quốc phải được treo nơi trang trọng, cao hơn cờ hội, cờ tôn giáo; chỉ treo cờ hội, cờ tôn giáo tại khuôn viên lễ hội và trong thời gian tổ chức lễ hội;

3. Thực hiện đúng nội quy, quy định của Ban Tổ chức lễ hội;

4. Trang phục đẹp, lịch sự, phù hợp với thuần phong mỹ tục;
5. Không nói tục, xúc phạm tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng ảnh hưởng đến tính trang nghiêm của lễ hội.
6. Bảo đảm trật tự, an ninh khi dự lễ hội; không đốt pháo, đốt và thả đèn trời;
7. Ứng xử có văn hoá trong hoạt động lễ hội;
8. Bỏ rác vào nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường;
9. Không bán vé, thu tiền tham dự lễ hội;
10. Nếu tổ chức các trò chơi, trò diễn, biểu diễn nghệ thuật, hội chợ, trưng bày triển lãm trong khu vực lễ hội thì được bán vé cho các hoạt động đó; giá vé thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính;
11. Không lợi dụng lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan như xem số, xem bói, gọi hồn, cầu cơ, sấm truyền, yếm bùa, trừ tà, phù phép chữa bệnh;
12. Thắp hương, đốt vàng mã đúng nơi quy định của Ban Tổ chức lễ hội...

*(Theo Quyết định ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)*

## **2. Trong tổ chức việc cưới**

*Đọc Điều 4 dưới đây và thực hiện các yêu cầu:*

- Tại sao phải nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá trong tổ chức việc cưới?*
- Làm thế nào để người dân tuân thủ các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng trong tổ chức việc cưới?*
- Trong tổ chức việc cưới ở địa phương em đang sinh sống có thường xuyên thực hiện các nguyên tắc ấy không? Lấy ví dụ minh họa.*

### **... Điều 4. Tổ chức việc cưới**

Việc tổ chức lễ cưới phải thực hiện các quy định sau:

1. Lễ cưới cần được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương, dân tộc, tôn giáo và phù hợp với hoàn cảnh của hai gia đình.
2. Các phong tục, tập quán: Dạm ngõ, lễ hỏi, lễ cưới cần được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, tránh phô trương, hình thức, rườm rà; không nặng về đòi hỏi lễ vật. Tổ chức ăn uống cần tiết kiệm, không kéo dài nhiều ngày, không phô trương hình thức và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Trang trí lễ cưới và trang phục cô dâu, chú rể phải lịch sự, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và truyền thống văn hóa dân tộc.
4. Tổ chức tiệc cưới, đưa đón dâu phải tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự công cộng.



5. Âm nhạc trong đám cưới phải lành mạnh, vui tươi; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép theo quy định; không mở nhạc trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm.

*(Theo Quyết định ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)*

### 3. Trong tổ chức lễ tang

*Đọc Điều 8 dưới đây và thực hiện các yêu cầu:*

*– Tại sao phải nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá trong tổ chức lễ tang?*

*– Làm thế nào để người dân tuân thủ các nguyên tắc thực hiện nếp sống văn hoá nơi công cộng trong tổ chức lễ tang?*

*– Trong tổ chức lễ tang ở địa phương em đang sinh sống có thường xuyên thực hiện các nguyên tắc ấy không? Lấy ví dụ minh họa.*

#### ... Điều 8. Tổ chức lễ tang

Lễ tang được tổ chức phải thực hiện các quy định sau:

1. Lễ tang cần được tổ chức chu đáo, trang nghiêm, gọn nhẹ, tiết kiệm, phù hợp với tập quán truyền thống văn hoá dân tộc và hoàn cảnh gia đình người qua đời.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ tang chu đáo; khuyến khích gửi thư chia buồn đến gia đình tang quyến khi đăng kí khai tử.

3. Việc mặc trang phục và treo cờ tang trong lễ tang thực hiện theo truyền thống của địa phương, dân tộc và tôn giáo; chỉ treo cờ tang tại địa điểm tổ chức tang lễ.

4. Lễ viếng tổ chức đảm bảo trang nghiêm, văn minh, theo sự điều hành của Ban Tổ chức lễ tang và gia đình chủ tang.

5. Không tổ chức ăn uống linh đình, phô trương, lãng phí và phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Sử dụng nhạc tang phù hợp với truyền thống dân tộc, văn hoá địa phương; không cử nhạc tang trước 6 giờ sáng và sau 22 giờ đêm; âm thanh đảm bảo không vượt quá độ ồn cho phép theo quy định.

7. Khi đưa tang phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông và trật tự xã hội; cấm rải tiền Việt Nam và các loại tiền nước ngoài trên đường đưa tang.

8. Việc an táng: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân tổ chức chôn cất phù hợp với quy hoạch quỹ đất của địa phương. Diện tích sử dụng đất cho mỗi phần mộ chôn cất một lần theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP

ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lí, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng cùng các văn bản quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

9. Việc tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc hoặc nghỉ hưu khi qua đời thực hiện theo quy định tại Nghị định số 105/2012/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức; đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lí hi sinh, qua đời, cán bộ quân đội đã nghỉ hưu qua đời thực hiện theo Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lí; đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên, công nhân viên Công an nhân dân hi sinh, qua đời, cán bộ công an đã nghỉ hưu qua đời thực hiện theo Thông tư số 15/2013/TT-BCA ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Bộ Công an quy định chế độ tang lễ trong Công an nhân dân.

*(Theo Quyết định ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)*

## THỰC HÀNH

- Hành vi nào sau đây góp phần xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư?
  - Đoàn kết giúp đỡ nhau khi khó khăn.
  - Tổ chức ghi lô đề, đánh bạc.
  - Phao tin đồn nhảm, gây hoang mang dư luận.
  - Vứt rác bừa bãi.
- Em không tán thành ý kiến nào sau đây về xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư?
  - Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là cần phải giúp nhau làm kinh tế, xoá đói giảm nghèo.
  - Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là phải khuyến khích tục lệ ăn uống cỗ bàn trong ma chay, cưới hỏi.
  - Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là phải xây dựng khối đại đoàn kết trong cộng đồng.
  - Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là góp phần giữ gìn trật tự an ninh.

## VẬN DỤNG

Khảo sát ở địa phương em đang sống còn tồn tại những tập tục (hủ tục) lạc hậu nào? Đề xuất giải pháp, việc làm để xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng dân cư địa phương.



## GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích
<b>Cộng đồng dân cư</b>	là toàn thể những người sinh sống trong cùng khu vực lãnh thổ hoặc đơn vị hành chính gắn bó thành khối, giữa họ có sự liên kết hợp tác với nhau cùng có lợi chung.
<b>Nếp sống văn hoá</b>	là nếp sống theo các chuẩn mực giá trị văn hoá, đáp ứng yêu cầu tổ chức của cuộc sống của cộng đồng trong môi trường một địa phương.
<b>Tài nguyên đất</b>	Tổng diện tích đất cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, từ đó cung cấp thực phẩm cho con người và các loài sinh vật.
<b>Tập quán</b>	là thói quen đã thành nếp trong đời sống xã hội, trong sản xuất và trong đời sống hằng ngày được mọi người thừa nhận và làm theo.
<b>Trầm tích sông</b>	Vật liệu lắng đọng trong các thung lũng sông tạo thành các bãi bồi, bậc thềm và các châu thổ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1]. Cục thống kê Đồng Tháp, *Niên giám thống kê Đồng Tháp* các năm.
- [2]. Hằng Đình, *Báo Tổ quốc*, số ra ngày 16/11/2018
- [3]. Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Tháp, *Tuyển tập Văn học Đồng Tháp thế kỉ XX*, 2002.
- [4]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đồng Tháp cấp trung học*, tập 1 và 2.
- [5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Quyết định số: 21/2020/QĐ-UBND về việc ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*.
- [6]. Các Cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,...